

ĐỒNG TÂN

THỂ TÍNH HỌC
hay
MỘT QUAN NIỆM MỚI
về
CHÂN LÝ

CAO HIÊN

LỜI THANH MINH

Tôi đã soạn thảo sách này năm 1981 tại Sài Gòn. Lẽ cố nhiên, trong hoàn cảnh quốc phá gia vong, hằng ngày vật vã kiếm miếng ăn nuôi gia đình với bảy con dại, tôi đã chịu đựng bao nỗi nhọc nhằn trước những tệ nạn xã hội ngày một gia tăng trên mảnh đất quê hương yêu dấu mà cái ý thức hệ tam vô thú vật ngoại lai đang hoành hành.

Cái nghề dạy học tôi đã từ giã vì biết cái xã hội vô luân của bọn vô thần sẽ dẹp tan tất cả với cái nạn học trò tố thầy đã xảy ra nơi học đường như cơm bữa mà tôi đã biết từ những năm còn kẹt trong khu rừng bị chiếm man rợ kia, nên tôi đành tai điếc mắt ngơ cho tấn trò vô loại kia diễn tiến khắp nơi...

Tôi không phủ nhận đây là một thực tại còn vương vấn nơi thâm tâm ý chí của tác giả khi đã đi vào phân thâm sâu Vũ trụ mà được khai thị nên triết thuyết Bản Thể Luận năm 1974 cho đến nay kết hợp thành nội dung sách này.

Bản thảo còn lại đây nay được đem ra trình bày với tất cả chân thành của lòng mình mà không thêm bớt điều gì ngoài câu văn có khi chênh mảng phải chỉnh lại.

Đây là một vấn đề chân lý không phải như thường tình đã hiểu mà là một khởi đoạn có nguyên nhân và được diễn đạt trong vô tư không theo một hệ phái tư tưởng nào đã có trước dù Đông hay Tây.

Quý bạn đọc sẽ thấy trong đây có chứa một ít tâm tư của bạn một khi đã chán chường thể sự trăm ngả đua đòi mà thực tế chỉ gây thêm tệ hại cho sự tiến hóa của loài người mà thôi. Cái sống thực tại của con người từ nghìn xưa cho đến nay chỉ đòi hỏi sự đơn giản. Cho nên, những gì rườm rà trong tư tưởng cũng như trong ngôn từ sẽ không còn thích dụng cho xã hội ngày nay nữa.

Vả chăng, Thể tính hay chân lý theo quan niệm xưa là những gì đang chu tuần chung quanh cuộc sống con người không phải đâu xa lạ ngật vì tuồng vật dục nẻo u minh đã che lấp con người chúng ta với nó mà thôi. Tôi không dùng những luận cứ trên trời dưới đất - bởi nói như thế ai nói chẳng được mà có ích gì - mà chỉ tìm những hiện tượng trong cuộc sống để trưng ra những hiện thực nơi con người mà thôi.

Mong rằng sau khi xem tập sách này, bạn có được ít nhiều cảm nghĩ về thân phận con người đứng trước bể cả mênh mông mà suy nghiệm để thấy rằng làn sóng của bể kia chính là những hơi thở của mình vậy.

Có phải như thế chăng? Thì các bạn cứ suy nghĩ đi thì cũng sẽ thấy như tôi mà thôi?!

Viết tại Melbourne, một chiều cuối Đông 1998,

ĐỒNG TÂN

LỜI NÓI ĐẦU

Từ 1956, khi bắt đầu manh nha ý thức xây dựng một kỷ nguyên Thi nhân với tác phẩm Chung Quanh Vấn Đề Thi Nhân xuất bản tháng 1-1975 tại Sài Gòn rồi sau đó xây dựng một triết thuyết với tác phẩm Bản Thể Luận xuất bản tháng 3-1975 cũng tại Sài Gòn, với kỳ vọng tổng hợp mọi tiềm năng sáng tạo của con người theo những nhận định thuần túy khoa học, tôi đã đi thẳng vào Vũ trụ với những thu nhận qua sự mặc khải những yếu tố làm nên cơ cấu triết học mà trong bài tựa sách Bản Thể Luận này, Giáo sư tiến sĩ Jeremy Davidson thuộc viện Đại học Luân Đôn đã gọi nó như là một tuyên ngôn về tín ngưỡng của một tôn giáo mới.

Tôi cứ tưởng tôi đã hoàn thành sứ mạng của một con người đứng giữa cái xã hội cuồng loạn ngày nay mang hoài bão làm nên một cái gì đáp ứng cho nhu cầu của thế kỷ, mở một lối thoát cho loài người thấy rõ trên cái văn minh vật chất còn có cái văn minh tinh thần mà nếu họ không đạt được thì cuộc sống dù có lộng lẫy hào nhoáng bao nhiêu cũng rơi vào bước đường cùng của bế tắc mù mịt.

Tôi cứ tưởng như thế là yên phận mình nơi miền quê sẵn đã, sống kiếp sống như con giun dưới đất để không còn biết đến ai từ tháng tư đen 1975 sau đó. Nhưng năm 1976, một niềm phấn khởi nội tâm với sự thành hình sách Văn Hóa Sử Cao Đài do sự đôn đốc của Vô hình mà tôi đã chứng ngộ rõ rệt để trở lại cái sống thị thành huyền ảo bởi sự phục hồi căn nhà cũ tại Bàn Cờ, trung tâm thành phố Sài Gòn, tôi lại không ngăn được nguồn cảm hứng khi viết một mạch tập Nhân Diện mà nội dung cho thấy sự tái khẳng định giá trị con người với những thực chất mà họ không thể không có.

Lại một lần nữa, tôi tưởng như mình đã khai thông được mọi ngã ngách đi vào một nhân thân bằng khoa học như sách Lý Thuyết Tổng Hợp xuất bản năm 1971, bằng triết học như sách Bản Thể Luận thể hiện một cố gắng mới của Con người đi vào Vũ trụ mà những quan điểm về khoa học và đạo học ít ra đã được nêu ra xưa nay không mấy ai đề cập đến.

Nhưng tôi lại đã lầm với tôi nữa. Số là những ngày xem tập Duy Thức Học của tác giả Tuệ Quang, tôi được biết đây là một tư tưởng đã có từ Vô Trước Thế Thân 800 năm sau Phật Thích Ca vốn bắt nguồn từ lời thuyết pháp của Ngài tại núi Lăng Già khi được Đại Tuệ Bồ Tát hỏi về thức: "Chư thức có hai thứ sinh trụ diệt không phải tư lượng mới biết được". Và sau đó xác định lại: "Chư thức có ba thứ tướng là chuyển tướng, nghiệp tướng và chân tướng" để cuối cùng buổi thuyết giảng của ngài nơi Chứa quý Dạ Xoa ở bằng câu: "Đệ nhất nghĩa là cái sở đắc của Thánh Trí tự giác, không phải là cái cảnh giới do ngôn thuyết vọng tưởng mà biết. Vậy nên, ngôn thuyết không biểu thị được đệ nhất nghĩa" như Lăng Ca Kinh đã suy diễn ra.

Như thế thì cái ý của Phật nói có khác gì cái Thánh trí của Nho hay diễn tả một cách khác như của Lão: "Danh khả danh phi thường danh" mà cái đệ nhất nghĩa của sự vật kia chỉ do Thánh trí chứ phàm nhân khó bề thấu đạt. Nhưng cái thức lại cũng chỉ do những phần lãnh hội một cách hồn nhiên và bao quát ở tâm giới của một nhân thân ngang tầm các Giáo chủ để đưa ra một nhận định về mọi vật, chứ không phải như người thường chỉ là những vọng tưởng mà thôi.

Ấy thế mà các môn đồ nhà Phật đưa ra thuyết Duy thức và sử dụng đủ các ngôn từ chẳng khác gì triết học Tây phương để cho thêm rắc rối vấn đề một khi con người chỉ muốn biết sự vật một cách đơn giản. Cho nên, con người ngày nay rất nhàm chán mớ tư duy ngổn ngang phức tạp đó bởi nó chỉ tỏ cho người tín đồ khi đứng trước mớ kinh điển kệch sù kia chỉ còn cách tôn hàng giáo phẩm vào bậc sư phụ chứ còn biết làm gì hơn.

Phần tôi, khi xem quyển Lăng Ca Kinh đã tự hỏi: "Chứa quý Dạ Xoa ở đâu mà đức Phật đến đó làm gì và tại sao có Đại Tuệ Bồ Tát đến đó nữa mà hỏi về thức?" để từ cái Duy thức mờ mịt kia tạo cho các Bồ Tát Vô Trước Thế Thân ngày xưa tiếp đến nhà sư Tuệ Quang ngày nay cái

lập luận phức tạp kiểu triết học Tây phương mà trong sách Bản Thể Luận tôi gọi là nông cạn này bởi tính duy vật mơ hồ giả tưởng của nó.

Sự việc không khác khi tôi đọc một đoạn sách nói về Thiền của các sư Tàu, tôi cũng không khỏi bật cười vì những trò ma giáo như một sư tổ đánh môn đệ mà không cần giải thích lối tu thì tự nhiên môn đệ thức tỉnh. Nhưng tại sao lại như thế, nếu chẳng phải là một thái độ phàm phu, chỉ tổ cho hàng tín đồ cứ tưởng hễ là sư phụ thì làm gì cũng có nghĩa cả, và lẽ cố nhiên không phải là cái đệ nhất nghĩa như Phật dạy trên đây!

Viết những dòng này, tôi thật không muốn làm tổ sư bồ đề vì đi tìm một hiện tượng chân lý không phải ai cũng làm được bởi trên hiện tình thế giới ngày nay, không một lý thuyết nào không tự cho là mình đã tìm ra chân lý, nhất là các đồng chí duy vật, họ luôn cao ngạo với cái chân lý láo khoét của mình, không như các nhà duy tâm chỉ âm thầm hay cái duy thức cũng chỉ có Phật gia nói tới mà thôi.

Nhưng thật ra, cái chân lý tiềm tàng kia có khác gì quả bóng hơi bàng bạc trong không gian cho đến khi có sự va chạm đến thì nó tung thôi.

Mong rằng chư tôn đức giả nên thận trọng khi đi tìm cái đệ nhất nghĩa trên đây bởi khu rừng thế nhân e không có chỗ cho chân lý này sinh trưởng đó.

Viết xong tại Bàn Cờ Sài Gòn, một mai quý xuân Tân Dậu (21-4-1981).

ĐỒNG TÂN

BÀI 1: CHÂN LÝ LÀ GÌ?

Từ xưa nay, con người đã đi vào cuộc sống không khác một khách lữ hành trên dặm ngàn sông núi. Cho dù họ có trải qua thời kỳ du mục hay không, cuộc sống của họ cũng không thể gọi là cố định khi nó đã trải dài trên khắp các ngã đường quê hương đất nước mà những lúc họ nằm yên trong ngôi mộ là lúc họ dừng bước lữ hành du kia vậy.

Một thực tế phũ phàng đã kéo lê thiên hạ từ bấy nhần nay không biết đâu là mục đích, đâu là ý nghĩa mà sứ mạng con người cơ hồ như bị lãng quên qua giấc ngủ triền miên đến bao giờ họ mới thức tỉnh?

Nhưng bộ mặt thay đổi của quả địa cầu tuy chậm chạp hàng triệu năm qua để đột biến vào đời ba thế kỷ lại đây cho biết con người không phải hoàn toàn ngủ giấc ngủ mộng mị ngàn năm mà có kẻ đã thức giấc để làm nên những gì còn đến hôm nay mà ngày khai sinh nhân loại chưa thấy có. Bởi thế, loài người quả là một động vật thiêng liêng - phát sinh từ hai nguồn Tâm thể và Vật thể bằng nhau khi sự tán hóa của các loài thảo mộc cũng như thú cầm với số tỉ lệ Tâm thể từ ít đến nhiều trên Vật thể như sách Bản Thể Luận đã đề cập đến - để thoát ra ngoài những tỉ lệ bẩm sinh của thú cầm bất giác và của thảo mộc vô tri, biết khai thác những khả năng tự cảm và tự tri thức để làm cho cuộc đời họ từ chỗ đơn độc trong hoang dã biến thành những tập thể linh động trong những màu sắc rực rỡ của văn minh mà dù nền văn minh này có chết đi thì nền văn minh khác lại tiếp diễn những công trình khai sáng khiến cho loài người rất xứng đáng với nếp sống tự chủ tự cường của họ trong tinh thần sáng tạo cố hữu không riêng cho một quốc gia hay một lãnh thổ lục địa nào.

Sở dĩ như thế là vì con người đã ý thức được khả năng xây dựng tiềm ẩn nơi họ, không phải bị những vô thức đè bẹp để chỉ biết lệ thuộc vào mớ não bộ hẹp hòi nông cạn như thú cầm chỉ có tác dụng điều động một thể xác chịu lệ thuộc vào nó như một bộ máy đồng hồ chỉ làm vận dụng các kim chỉ giờ phút giây, hay tinh vi hơn là thêm ngày tháng hoặc như cây cỏ vô tri kia không làm sao ra khỏi sự điều động của cội rễ trong sự vận dụng những tiềm năng tự có của thiên nhiên. Nói thế không có nghĩa là không phải thú cầm hay thảo mộc hoàn toàn không có tri giác như con người có sự hiện diện của linh hồn điều động thể xác mà não bộ là cơ quan trung gian của hai thành phần đó, bởi lẽ linh hồn nơi các loại cầm thú hay thảo mộc không đủ mức độ để điều động phần xác thể như đã nói trên ngoại trừ trường hợp có sự tiến hóa để từ linh hồn loại vật hạ đẳng vươn lên đến mức quân bình với thể xác để có khả năng như con người. Tôi muốn nói con chó Rex trong loạt phim Inspector Rex với khả năng khám phá của nó như con người thì đến khi chết, linh hồn nó sẽ nhập vào con người theo luật nhân quả mà thôi. Trong khi con người sống với linh hồn cố hữu thì vì tính khí nham hiểm độc ác như thú vật nên khi chết lại nhập vào một loại thú cầm thích nghi nào đó mà không thể làm gì hơn¹. Như thế sự khám phá của Darwin mà sau này cộng sản tôn thờ chỉ là một ngụy thuyết theo nhân quan duy vật thiên cận thể thôi.

Trên quan điểm này, con người cũng có thể không còn giữ được mức quân bình tâm vật để làm nên giá trị chủ nhân ông của mình mà dễ thường họ bị sa đoạ xuống hàng hạ đẳng chỉ vì phần linh hồn của họ đã bị vật dục làm cho mờ tối đến độ biến thể không đủ khả năng điều động thể xác của họ ở tầm mức con người mà dễ thường lầm lạc như các loài hạ đẳng kia như đã nói trên. Ngược lại, rất ít khi phần linh hồn con người được nâng lên khỏi mức quân bình để biến con người thành những thần linh nếu không khắc kỷ theo phương pháp tu học thiên định của các bậc đạo gia.

¹ Tác giả đã được nghe việc linh hồn một người Minh Hương, Việt gốc Tàu, khi chết hóa sinh vào con chó mới sinh tại nhà mình. Một thời gian sau khi thấy con chó sinh ra thường quen thói tập ăn và thường nhảy lên ghế của ông này nằm, bà vợ sinh nghi nên khi muốn biết số vàng của ông cất đầu đầu liền nhìn vào chó hỏi thì con chó đang nằm trên ghế tự nhiên nhảy xuống và cắn lại quần bà vợ dẫn đến một gốc cây rồi cào đất lên để lộ số vàng ra. Vụ này được biết tại Hội An trong thập niên 1990.

Do đó, ta có thể nói không có một vị trí nào cố định tự giữ được cái mà Phật gọi là "đệ nhất nghĩa" hay Nho gọi là "chính danh" trong cái Vũ trụ đầy biến đổi từng giây phút này.

Mà có gì lạ đâu. Khi tôi ngồi viết những dòng này thì tư tưởng, hay nói cho đúng con người của tôi luôn luôn diễn biến và sự diễn biến đó được bộc lộ trên trang giấy một cách rõ rệt. Những gì tôi viết ra không hề lặp lại chính là một thể hiện linh động của sự biến hóa không ngừng trong tâm giới nơi con người, không kể sự diễn biến nơi các tế bào tạo nên cuộc sống của xác thân thì không thể chạy trốn trước sự quan sát của nhà khoa học.

Như vậy, suy diễn ra cùng Vũ trụ cũng một định luật diễn biến đó, ta thấy rõ Vũ trụ cũng từng khi biến đổi thể trạng trong sinh hoạt không ngừng, từ đại vũ trụ của tinh vân đến tiểu vũ trụ của nguyên tử không đâu là không có những diễn biến có tính trường kỳ và theo những định luật thiên nhiên cố hữu, nhờ đó mà Vũ trụ mới không hề bị tiêu ma cái đại thể sáng tạo của nó, chẳng khác gì con người chúng ta từng khi thay đổi vị trí trong không thời gian nhưng vẫn không hề xê dịch cái thể tính của con người được.

Người ta thường gọi Chân lý, nói nôm na là lẽ thật, để chỉ những gì có tính trường cửu bất biến trong cuộc sống nói chung. Tuy nhiên, danh từ này đã bị các nhóm cực đoan lợi dụng làm cho mất nghĩa đơn thuần của nó mà thay vào đó những giả tạo có tính quyền rũ nếu không là áp đặt theo phe nhóm mình, nhất là các tà thuyết duy vật biện chứng ma quái mà giai đoạn khoa trương trên báo chí càng rõ rệt.

Tuy nhiên, nếu chỉ có sự trường tồn bất biến biểu thị bằng một lẽ đơn thuần mà làm nên một cái gọi là Chân lý thì rất khó đứng vững khi mà những gì gọi là trường tồn bất biến kia không phải lúc nào cũng mang một trạng thái in hệt... Cũng một thể nước mà hơi nước thì bay lên, dòng nước thì chảy xuống, đó là chân lý của nước, nhưng cũng đồng chất lỏng mà không phải thể hơi nào cũng bay lên và dòng nào cũng chảy xuống... Sự kiện không khác khi ta đổ acid vào nước thì không nguy hiểm, ngược lại nếu ta đổ nước vào acid thì không gì nguy hiểm bằng. Sở dĩ như thế là vì sức hút của acid vào nước đã tạo cho nó một sự bắn lên dễ thường tạt vào người tạo ra những vết phỏng rất nguy hiểm nếu không xóa bỏ kịp thời. Do đó, những gì bất biến cũng có thể tạo nên những ngoại lệ trong một vũ trụ lúc nào cũng biến dịch này, nếu ta chỉ nhìn dưới một khía cạnh lý lẽ bề ngoài.

Một sự kiện còn cho ta thấy rõ tính chất mơ hồ của các hiện tượng chân lý gọi là trường cửu bất biến đó. Một thanh nam châm có hai đầu âm dương tạo thành những từ trường của vụn giữa sắt. Nhưng lấy gì qui định hai đầu âm dương đó nếu ta cắt thanh nam châm ra từng mảnh cho đến triệt tiêu thì hai đầu âm dương ấy có còn phân biệt hay tụ lại trong mớ vụn kia. Như vậy thì hai đầu âm dương của thanh nam châm chỉ phân định khi có nó, cho nên khi ta để hai cực đồng tính gần nhau thì chúng hất ra, nhưng khi ta để hai cực khác tính thì chúng hút vào... Như thế, thanh nam châm đã có cảm quan tự nhiên và ta cho đó là một hiện tượng khoa học, nhưng cũng có thể xem là một hiện tượng sinh lý nếu đem suy diễn nơi loài sinh vật.

Cùng một hiện tượng này, cho dù vô tri như loài thảo mộc cũng đón nhận sự gặp gỡ sáng tạo qua môi giới của con bướm con ong, hay bất giác như thú cầm cũng không ra ngoài sự giao hợp của trống mái tự tìm đến nhau mà không có sự dạy bày cản mật như nơi loài người cùng một nguyên lý sáng tạo trường tồn đó. Như thế thì thanh nam châm kia là một chân lý chứa chấp sự sinh tồn vũ trụ kể từ loài vô tri có thể xem đó là một thể hiện chân lý Vũ trụ trước nhãn quan của con người.

Từ xưa, cũng có những lý thuyết gia phủ nhận giá trị của chân lý mà cho rằng tất cả đều là vô thường ảo vọng, nhưng cũng có những chủ thuyết sử dụng danh từ chân lý một cách bừa bãi đến nỗi cái gì cũng gọi là chân lý mặc dù đó chỉ là những giả tạo nhứt thời vô nghĩa. Cho nên, cũng từ xưa, đã xuất hiện các nhân vật tự phủ nhận tất cả những gì đã có trước để tìm cho ra chân lý mà không phải là không xác thực để đời, hoặc họ đã không hề nêu ra danh từ chân lý

mà chỉ đi vào thực tại của nó. Bởi thế mới có một Thích Ca phủ nhận tất cả hệ thống giáo điều đã có trước để tự tìm lấy con đường chân lý cho mình, hoặc như một Descartes đã xóa bỏ hết kiến thức thu lượm từ sách vở đã có trước để tìm ra một phương pháp tìm tòi chân lý khai mở cho kỷ nguyên khoa học ngày nay. Cụ thể như nhà bác học Newton không chịu tuân theo lễ lối đã có trước để tự đặt đề tài sáng tác của mình trong tâm não chờ khi phát hiện những ánh sáng nội tại kỳ diệu nơi mình mà công trình đóng góp của ông đã khiến cho *"nhân loại rất hãnh diện có được một người như thế!"*²

Vả chăng, nhân loại từ khai nguyên đã đi tìm chân lý của cuộc sống mà không nói ra, chỉ biết chìm mình trong đà biến dịch tự nhiên của Vũ trụ. Đó là một sự kiện lịch sử không chối cãi. Có phải họ đã âm thầm liên kết nhau trong cuộc sống triền miên của nhiều thế hệ một cách lặng lẽ dù không ai bảo ai nhưng thế hệ sau đương nhiên thừa kế sự nghiệp của thế hệ trước để tiếp tục cái sống trên mặt đất này đã là một chân lý trường tồn bất biến của xã hội loài người đặt trong chu trình tiến hóa chung của Vũ trụ một cách hiển nhiên không thể phủ nhận. Tôi muốn nói đó là do những trạng thái biến hóa của chân lý mà con người đã bẩm sinh trong nội tại mình để từ đó làm đà khai triển những trạng thái chân lý bên ngoài cũng đồng một đặc tính trường cửu như thế. Do đó, chân lý không phải là những gì xa lạ hoặc quá huyền bí mà chính là những bộc lộ thuần phát bên trong nội tại con người để đi vào những hiện tượng ngoại giới một cách trực tiếp nằm trong những định luật biến hóa và trường tồn của Vũ trụ³ một cách tự nhiên không cần bàn cãi. Đức Khổng đã nói không sai: "Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, bách vật sanh yên..." (Trời có nói gì đâu, bốn mùa vẫn đến, trăm vật vẫn sanh).

Như thế thì con người có thể đạt được chân lý hay không? Đó là câu hỏi mà ai cũng có thể tự đặt cho mình nếu muốn sống một cuộc sống có ý nghĩa để đóng góp một cái gì cho xã hội nhân quần, bởi lẽ tự nơi con người là trung tâm phát huy mà cảnh giới chung quanh đã chu tuần theo đó như lớp vỏ bọc ngoài mà chân lý - một danh từ không đủ nghĩa - là tất cả khối ấy đang biến động theo trình tự biến dịch của Vũ trụ, nên mỗi con người biết sống trên đời là một hiện tượng chân lý, nói thế thiết nghĩ không phải là ngoa ngữ vậy.

² Câu này được khắc trên mộ nhà bác học Newton tại nghĩa trang hoàng gia Westminster ở Anh quốc.

³ Xin xem sách *Lý Thuyết Tổng Hợp* cùng tác giả xuất bản năm 1971 tại Sài Gòn.

BÀI 2: CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐI TÌM CHÂN LÝ ĐÃ CÓ TRƯỚC

Đây là một vấn đề khá phức tạp nơi loài người. Bởi tính đa diện của chân lý mà ai cũng giành lấy chân lý cho mình nên trên vũ đài nhân loại từ nghìn xưa đã dấy lên bao nhiêu học thuyết là bấy nhiêu trường biện luận cho phe mình, thiết tưởng không phải là điều hiếm có.

Thực ra thì trong thời kỳ hoang dã của nhân loại, các hiện tượng làm nền cho chân lý đã bộc phát một cách đều đặn làm đà sống cho con người để tiếp diễn cái tư thế ấy về sau, nhưng con người thời bấy giờ nào có đặt vấn đề chân lý ra làm gì vì chính họ đã sống trong đó một cách hồn nhiên. Sự đói ăn khát uống đã là đề tài đầu tiên của loài người, rồi phải mặc, phải ở, phải giao dịch qua lại, phải đi đến sự chung đụng hằng ngày... Đó là những gì mà con người phải bận tâm tuân tự theo đà sống của họ, không phải đột xuất mà trình tự theo thời gian. Do đó, con người đã tự khai sáng cuộc đời mình buổi khai nguyên không thể thiếu sự cộng lực của Vô hình qua các hiện tượng Vu Nghiễn ở Trung Hoa, Pythie ở Hy Lạp và Rishis ở Ấn Độ không khác thời kỳ đũa hài nhi nằm trong nôi, mức sống bắt đầu sôi động nhưng còn ấu trĩ chưa đến trình độ tấn hóa như về sau nên còn phải nhờ vào sự đùm bọc của bà mẹ...

Cho đến thời đại các Triết gia ra đời, loài người đã đến tuổi trưởng thành nên những thắc mắc đề ra để tự tìm các giải đáp. Chẳng thế mà ở Đông phương, các Triết gia đã suy diễn từ một hiện tượng mặc khải để khai sáng ra một chân lý Vũ trụ như Long Mã Hà Đồ với Kinh Dịch, hoặc những suy nghiệm nội tại tâm linh để thành hình một học thuyết mà từ Khổng Tử đến Trình Tử với Đại Học, đến Tử Tư với Trung Dung, đến Vương dương Minh với Trí Lương Tri... Trong khi đó thì ở Ấn Độ, Phật giáo với thuyết Trung đạo, Tứ diệu đế, Bát chánh... Và Hy Lạp từ xưa đã có bao nhiêu hiền triết cũng là khoa học gia kể từ Aristote (thế kỷ IV trước Tây lịch) đã cố tìm hiểu **tại sao vạn vật xảy đến** (pourquoi les choses arrivent) để tiếp nối với Galiléo (thế kỷ XVI) cố tìm cho ra **vạn vật đã xảy đến như thế nào** (comment les choses arrivent) để đi vào kỷ nguyên nguyên tử ngày nay mà Einstein (1879-1955) đã thừa tự một cách trung thực trong sự truy tầm các hiện tượng vật lý từ những giả tưởng trong huyền bí của Vũ trụ với sự suy diễn qua các phương trình toán học mà ra. Tuy nhiên, cho dù Aristote có Tam Đoạn Luận, Descartes (thế kỷ XVII) có Phương Pháp Luận (Discours de la Méthode) thì cũng đã dừng lại với Pascal (1623-1662) khi hiệu năng của một trái tim đã khám phá ra Thượng Đế, hoặc một Schleiermacher (1768-1834) sử dụng tình cảm thay cho lý trí để đi đến chân lý bởi theo ông, chân lý và cuộc sống là một, một cách hùng hồn...

Những phát khởi trên đây chung qui cũng vì đặc tính cố hữu của con người vốn là thành phần của chân lý mà ra nhưng cũng do đó mà ta rất khó tìm thấy những khát vọng chân lý nơi những dân tộc chỉ dùng sức mạnh của cơ thể để đi vào cuộc sống chung như dân tộc Phù Tang với tinh thần võ sĩ đạo làm trọng tâm sinh hoạt xã hội nên các hiện tượng chân lý phù hợp với họ nhất là hành động mà mọi tư duy chu tuần chung quanh cuộc sống không gì khác là cố giữ cho cơ thể và tâm hồn được tinh khiết... Như thế, từ bao giờ, chân lý đã là đề tài chung cho cuộc sống nhân loại trong sự đi tìm một lẽ thật bất biến nhưng đã không hề có tính cách bao biện đơn phương mà đã được khai triển qua mọi sắc thái tư duy và hành động của con người tùy theo môi trường sinh hoạt của họ.

Người Việt Nam chúng ta từ xưa vẫn đã sống cái sống trầm mặc không cầu kỳ nên những hiện tượng chân lý đã đến như là một sự hiển nhiên. Những gì đã có do các trào lưu văn hóa du nhập từ ngả Trung Hoa hay ngả Ấn Độ đều là những gì thích ứng với dân tộc chúng ta không cần phải suy nghiệm xa xôi đâu đâu nữa. Một Tuệ Trung Thượng Sĩ đời nhà Trần tuy có những sáng kiến mới trong công cuộc khai sinh Nội Đạo nhưng vẫn không thoát ra khỏi những lề luật của Phật giáo để chỉ được xem như một tông phái của tôn giáo này, nếu không có cái thời thượng cộng lực để làm thành một cái gọi là Tam Giáo Đồng Nguyên khai sinh ra từ ấy.

Như thế các phương pháp của người xưa đã khai diễn ra chân lý chỉ đáp ứng một phần cho sự bộc lộ cái chân tướng của Vũ trụ cho nhân loại biết có chừng mực mà thôi. Với những phương lược đã có, cho dù lý trí có đạt đến mức siêu việt, cho dù quả tim hay tình cảm có cảm ứng được với chân lý Vũ trụ, hay cho dù trực giác có làm đầu đề cho những luận giải về chân lý đã có trước đó bằng nội tâm của các Triết gia Đông phương đi nữa thì cũng chỉ một phần nào đó mà thôi.

Chả thế mà trên vũ đài nhân loại đã xảy ra bao nhiêu là trận chiến tranh cân não mà xã hội loài người là diễn đàn vô cùng sôi động từ bao thế kỷ qua. Những nhà duy tâm có luận cứ bất dịch của duy tâm, của nội tại mình, cái "vô thượng thậm thâm vi diệu pháp" không cần biết có gì khác nữa. Còn những nhà duy vật thì chỉ thừa nhận những gì trong tầm mắt và tầm tai còn ngoài ra đều là mê tín dị đoan không nghĩa lý gì... Nhưng chính những nhà duy vật lại không tránh khỏi các luận cứ của duy tâm khiến cho người ta không còn phân biệt duy tâm hay duy vật nữa. Một định giá khoa học đã phát khởi từ Leibniz (Đức 1646-1716) đến Berkeley (Ái Nhĩ Lan 1686-1753) trong quan niệm vũ trụ vạn vật chỉ thể hiện nơi trí óc con người đã gợi ý cho các nhà khoa học nguyên tử kể từ Einstein (Đức 1879-1955) khám phá ra những hiện tượng vũ trụ suy diễn từ trí não của họ mà ra bởi cho rằng: "Bầu trời mênh mông kia và tất cả những gì tô điểm mặt đất, nói tóm lại tất cả vật thể bao gồm trong hình thù hùng tráng của trái đất thực chất chỉ có trong trí tưởng chúng ta" (*L'immense voute du ciel et tout ce qui orne la terre, en un mot, tous les corps qui composent la puissante forme du monde n'ont de substance que dans notre esprit* - Berkeley). Bởi thế, nhân loại đang đi vào một thời kỳ xô bồ bởi nhận thức chân lý khá phức tạp trong tâm nhận diện của con người.

Cho nên, các quái thai của nền triết học Tây phương với bản tính hẹp hòi nông cạn - như sách Bản Thể Luận đã nêu ra - đã sản sinh trong hai trận thế chiến vào thế kỷ sa sầm loạn lạc của nhân loại mà cái vô nghĩa sa đọa của con người đã kết tụ từ những mê lầm do vật chất gây ra mà một Karl Marx, một Darwin, một Jean Paul Sartre với các thuyết kinh tế chỉ huy, con người là dòng dõi loài vượn và cái luận điệu "l'existence précède l'essence" (hiện thể có trước tinh thể) châm ngòi cho "vật chất có trước tinh thần" quả là những luận cứ hời hợt của ngũ quan không phân định được chân lý trường cửu và ảo ảnh nhút thời của cái trò chủ quan duy vật láo lếu kia...

Do lẽ đó mà ta có thể nói rằng những phương pháp mà tiền nhân đã tìm ra các hiện tượng chân lý từ nghìn xưa theo ngã duy tâm hay ngã duy vật đơn phương đều bị phiến diện. Chỉ có phần chân lý tự bộc lộ nơi một nhân thân chủ động trong cái nghĩa "hãy tự biết mình đi" (*Connais-toi toi-même*) của Socrate mới là phần chân lý được hiểu hơn hết. Tôi muốn nói đến hiện tượng khảo thị, trong đó não cân, trái tim hay tình cảm của con người đều không có công dụng gì trong sự đề bạt chân lý bởi lúc ấy con người chỉ là môi trường diễn xuất cũng là trung tâm tiếp thu những phần chân lý được khai triển từ khối hồn nhiên của vũ trụ mà ra.

Nói tóm lại, không có hiện tượng khảo thị thì không có sự khám phá chân lý đầy đủ. Mà muốn có hiện tượng khảo thị - có nghĩa là sự tiếp xúc với cõi Vô hình - thì con người phải có nếp sống không bị chi phối bởi ngoại vật dù dưới hình thức nào. Lẽ cố nhiên lý trí và tình cảm chỉ đáp ứng cho nhu cầu nhút thời nếu biết sử dụng đúng chỗ. Như thế, chân lý chỉ có tính trường cửu nên con người phải đạt đến mức trường cửu mới thấu hiểu chân lý được.

BÀI 3: ĐIỀU KIỆN ĐI TÌM CHÂN LÝ NGÀY NAY

Những vấn đề thuộc về chân lý nêu trên cho ta ý niệm về một tính chất trường cửu luôn luôn chủ trì cuộc sống của Vũ trụ như một định luật bất biến tự nghìn đời. Có thể nói con người và những gì chu tuần chung quanh họ đã bị khép kín trong một lớp vỏ có đề hai chữ CHÂN LÝ. Như vậy, con người muốn khám phá được chân lý phải có đủ đảm lược để phá vỡ cái vỏ khép kín kia đi thì họ mới đạt được mức thành công tốt đẹp. Những đảm lược mà con người đã sử dụng trước đây bằng ngả đủ thứ duy, duy tâm, duy vật, duy thức, duy linh, duy lý, duy sinh hoặc bằng trái tim, bằng tình cảm, tất thấy đã không phá vỡ được toàn diện lớp vỏ kia đi mà chỉ hé mở một khoảng còn con trong đó con người vẫn chưa hề biết môi trường hoạt động của mình ở đâu và thế nào, hướng hồ tìm cho ra chân lý Vũ trụ thì thật là điều còn trong mơ ước vậy.

Một sự nghi ngờ về thức giới của con người qua ngũ quan đã được nhà toán học Leibniz (Đức 1646-1716) xác nhận tính chất trừu tượng của nó: "Dần dần, tôi càng nghiệm chứng rằng không chỉ những màu sắc, ánh sáng, nhiệt độ và những vật thể tương tự mà cả những chuyển động hình dáng và cả khoảng trống cũng mang tính chất trừu tượng" (Je suis en mesure de prouver que non seulement la couleur, la lumière, la chaleur et les autres choses pareilles, mais encore le mouvement, la forme et l'étendue elle-même, sont des qualités apparentes). Và khoa học cũng nhìn nhận nhãn giới con người đã không có đủ khả năng nhận diện được tất cả các loại ánh sáng của Vũ trụ bởi tính cấu tạo không đầy đủ của nó.

Do đó, điều kiện đi vào chân lý ngày nay không thể do những kết quả của các nguồn động lực kia, trong đó khoa học đã chứng tỏ tính cách mờ mịt qua những phương tiện hạn hẹp mà họ đã có dù rằng họ đã tạo nên những thành tích khải lệ như thuyết Hấp dẫn lực và trọng lực (1665) của Newton (Anh 1642-1727), thuyết Quanta (1900) của Max Planck (Đức 1858-1947), thuyết Tương đối giới hạn (1905) và Tương đối tổng quát (1916) của Einstein mà các phương trình toán học đã cụ thể hóa dòng suy tư của các nhà bác học kia.

Nhiều khám phá Vũ trụ cho thấy khoa học đã đạt được tiến bộ trong công cuộc tìm tòi chân lý Vũ trụ có thể kể gần đây với các thuyết trên, nhưng tại sao phải gọi một không gian bốn chiều để gọi là một liên tục không thời gian (le continuum espace-temps) khi mà theo tôi, tự trong Vũ trụ có sự phân định rõ rệt: không gian là nơi chứa những gì hư ảo và thời gian là sợi dây nối liền những hư ảo ấy với nhau, nếu ta nhìn về khía cạnh vật thể. Cũng như công thức $E=mc^2$ báo hiệu thời đại nguyên tử năng cho biết năng lượng vật chất của Einstein đã cụ thể hóa một dạng vô hình của vật chất E bằng tích số của khối lượng m với tự thừa của vận tốc ánh sáng c^2 , trong khi ánh sáng mà ta thấy hằng ngày lại là một thể thăng hoa của vật chất chẳng khác gì hơi nước là thể thăng hoa của nước. Do đó mà công thức trên cũng có thể xem như là dạng thăng hoa của toán học vậy. Chỉ một nhận định không mấy thực tế là tốc độ 300.000 km/gy của ánh sáng mà tự thừa lên là $300.000 \times 300.000 = 90.000.000.000$ thì khó tìm cho ra một độ dài tương đối bởi trong Vũ trụ chắc là không có đường thẳng mà chỉ có đường cong, nếu bạn nào thắc mắc thì cứ đến bờ biển nhìn ra khơi để biết mặt đất không phải là mặt phẳng như ta thấy hằng ngày mà độ dài trên đây chỉ có được trong đường cong mà thôi. Ấu đó cũng là một thể hiện chân lý của vật chất hữu hình khi ta đi tìm tính vô hạn của nó trước nhãn quan của con người vậy?

Nói như thế để cho thấy rằng con người hiện nay không thể tự kiêu cầu thả trong phạm vi tìm tòi chân lý mà phải có hai điều kiện sau đây:

- 1- Con người hiện đại cần phải có một đảm lược phá vỡ cái vỏ bao bọc đầy thành kiến và sai lầm do tầm nhãn quan và mức tư duy chủ quan hạn hẹp vì vật dục đang che lấp giác thức⁴ siêu nhiên của họ đã có từ buổi khai nguyên.
- 2- Họ phải đặt nền tảng khai phá của họ trên bình diện Vũ trụ nói chung và loài người nói riêng bởi vì con người là mẫu trung thực của Vũ trụ, nơi Vũ trụ có gì thì nơi con người cũng có những tương ứng không sót một⁵.

Nói thế không có nghĩa là một giả thuyết đề tự cho con người có một năng lực phi thường đi vào chiều sâu của không gian vô tận kia, một điều mà các nhà khoa học ngày nay đang mò mẫm với những bộ óc điện tử tinh vi điều động các vận hành của phi thuyền hy vọng một ngày không xa sẽ chinh phục không gian. Lẽ cố nhiên, những ước thuyết về Vũ trụ từ nghìn xưa tuy đã được xem là hoàn toàn giả tưởng, thế nhưng chỉ một câu nói của Protagoras ở Hy Lạp: "Những tinh tú trên bầu trời chỉ là những khối nóng chảy đồng tính chất với các loại đá ở mặt địa cầu" mà cho đến trên 25 thế kỷ sau, con người ngày nay trên đường viễn du phi hành mới mò mẫm xác định cái chân lý ấy ở điểm cận kề của thái dương hệ. Cho nên, khi con người còn giữ được cái giác thức ngày khai nguyên thì chân lý với họ không phải bí nhiệm dù trong tầm xa của Vũ trụ.

Ngày nay, chân lý không mang tính đa diện phức tạp như trước để chỉ có hàng giáo phẩm mới suy luận nó mà thôi. Chả thế mà với các tông đồ Phật gia, con người phải bị đầy đọa xuống hàng lục đạo trong số súc sanh thú cầm mà màn vô minh đã che kín tất cả, hoặc các người "đi đạo" thì bị chìm trong cái mặc cảm của tội tổ tông để không làm sao ngóc đầu nổi nếu không được ơn Chúa... Ôi thôi! Có còn gì phải nói khi các loại kinh điển kia đã gói kỹ cái chân lý ngàn đời để cho các hàng giáo phẩm đầu cơ mà con người có thấy gì hôm nay hơn ngày trước đâu trong khi thế giới càng đi vào văn minh càng sa đọa chỉ vì trò vật dục có chứa một nẻo sinh hoạt nào đâu! Cứ nhìn vào các thế lực hữu thần hay vô thần đang cạnh tranh ngày nay không ai là không thấy rõ cái nguy cơ của ngày tận thế gần kề...!

Nói tổng lại, càng đi sâu vào thời gian vô tận mà không có sự đi ngược lại, càng tìm tòi trong không gian mà sự vô cùng không làm sao thấu triệt, con người từ bao nhiêu thế hệ qua vẫn chìm trong khối mê mông bất giác kia mà cái danh từ chân lý chỉ như một gợn mây trên nền trời bàng bạc có nghĩa gì đâu... Cho nên, tôi hoàn toàn không thể dùng chữ chân lý để suy diễn cái vô tận vô cùng đang lôi con người theo nó mà không thể làm gì ngược lại. Tôi gọi đó là Thể Tính vậy. Có thể như vậy sao? Thì các bạn hãy tiếp tục bước lãng du đi thì sẽ thấy!

⁴ Xin xem sách Bản Thể Luận cùng tác giả.

⁵ Xin xem sách Lý Thuyết Tổng Hợp cùng tác giả.

BÀI 4: THỂ TÍNH LÀ GÌ?

Khi ta nói thời gian không thể đi ngược lại, tức là ta đã xác định một trạng thái của nó cố hữu tự bao giờ mà người xưa gọi là chân lý Vũ trụ. Cũng như khi ta nói con người đi từ cái nôi đến nắm mộ chứ không thể ngược lại, đó cũng là chân lý con người nhận định qua trạng thái như trên. Tuy nhiên, nếu nhìn thời gian qua bốn mùa, thì xuân hạ thu đông cứ đi lại hoài, có khác gì ngày đêm liên nhau để cung ứng cho nhu cầu sinh hoạt của con người trong Vũ trụ. Như thế khi đi vào cuộc sống chung thì chân lý lại mang một sắc thái biến dịch chứ không cố định như trước.

Tuy nhiên, khi đi vào thực chất, thì dù bốn mùa xuân hạ thu đông và ngày đêm cứ đi lại trên thế nhân, nhưng mùa xuân năm nay không như mùa xuân năm trước và ngày nay không phải là ngày qua thì thời gian trong Vũ trụ vẫn không đi ngược lại. Và cái thực chất đó, tôi gọi là Thể Tính.

Như vậy, Thể Tính là gì?

Phần đông các học thuyết xưa nay đều dùng một đối tượng nhất quán để biểu thị căn cơ của mọi thức giới con người. Chỉ cần nhắc vài ví dụ như Phật gọi tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức mà sự chứng ngộ được điều căn bản này phải do ngã hiện tượng trực giác không thể dùng ngã tỷ lượng để tìm cho ra chân lý của Phật gia. Đồng thời, tín đồ Jehovah chỉ biết có một Ngài mà thôi rồi tất cả chi chi cũng là thứ yếu sẽ đến sau đó: "Hãy tìm về nước Chúa, rồi những gì còn lại sẽ đến cho các ngươi tuần tự". Sự tìm về nước Chúa này chỉ cần một đức tin giao cảm trực tiếp với ngài, lại một yếu lý hiện tượng được đề ra trong Cơ Đốc giáo. Trong khi đó, Lão giáo lại cho biết: "Danh khả danh phi thường danh" thì cũng khó thỏa mãn cái hiện tượng trên. Duy đức Khổng mới có lời dạy thích đáng cho những ai muốn xác định một hiện tượng: "Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã" (Cái gì mình biết thì nói biết, còn không biết thì nói không biết, đó tức là biết vậy).

Như vậy thì với trí lự phạm phu, con người đến bao giờ mới hiểu được các lập ngôn trên khi mà đức Phật lại cũng xác nhận "Ngón tay chỉ lên mặt trăng, nhờ cái hướng của ngón tay mà biết được mặt trăng, nhưng ngón tay không phải là mặt trăng". Nói thế cũng có nghĩa là con người không bao giờ chọc thủng được cả bầu Vũ trụ bao la kia để tìm ra chân lý tự hữu...

Nhưng đó là nhận định cách đây đã 26 thế kỷ khi phần Nhân đã không còn phụ thuộc vào phần Thiên⁶ để đi vào cuộc sống nhân loại nên đã làm mất đi cái hiệu lực của một Tâm linh Con người vốn cùng một thể với Tâm Linh Vũ Trụ vốn là Toàn tri Toàn năng nên không thể tự mình đi vào chiều sâu của Vũ trụ nếu không được phần Tâm Linh Vũ Trụ (hay Thượng Đế) soi dẫn từ cõi Vô hình. Do đó, nếu con người không tự biết mình có phần tâm linh thấu triệt phần thâm sâu của Vũ trụ kia thì cửa ngõ đi vào Thể Tính cũng bị bế tắc đi vậy. Chư môn đồ Phật gia đã bị ngăn cách với thế giới Vô hình để phủ nhận sự hiện hữu của Thượng Đế Hóa Công chính tự ngã này. Nói cho rõ, con người ngày nay đã là những phi hành gia từ nghìn xưa đi sâu vào Vũ trụ mà quả địa cầu là vệ tinh mà Thượng Đế đã phóng vào không gian từ khai thiên lập địa. Như thế thì con người quả đã có dịp đi suốt đoạn đường sâu thẳm vào Vũ trụ mà có bao giờ họ nhận biết điều đó. Cho nên, tất cả những gì đã có trong Vũ trụ với họ hầu như quá huyền vi khi mà họ cứ tưởng họ đang ở trong một căn phòng để không bao giờ biết được quang cảnh bên ngoài. Và những gì đã đến với con người chỉ là những bận rộn như thời như ngọn gió thoảng qua một chiều rồi mất hút đi không còn để lại gì cả. Mà thật vậy, từng lớp người sinh ra rồi chết, chết rồi lại sinh trải dài từ thế hệ này sang thế hệ khác cũng không gây được một âm hưởng nào hơn là những đợt sóng ngoài đại dương nối tiếp nhau khua động không

⁶ Xin xem sách Cao Đài Triết Học Nhân Bản cùng tác giả - năm 1978.

gian để rồi tới tập vào bờ và tan biến đi, có để lại gì ngoài những bọt nước trắng tinh như những tiếng cười gằn của kẻ bất đắc chí, hay cũng có khi như tiếng nước nở của kẻ chịu đầu hàng số mệnh!

Nhưng trong vô cùng sâu thẳm của Vũ trụ tuy thế, cũng có người rất hãnh diện ghi được thành tích của mình qua những lần hiện diện trên mặt đất, và những lần ý thức được sự hiện diện như thế họ đã không còn thấy chiều sâu của Vũ trụ quá xa xôi, bởi lẽ dù xa xôi bao nhiêu, chắc có lúc con người cũng đạt được khi họ biết họ đang cùng nhịp biến dịch như Vũ trụ kia và họ đang áp ủ những gì mà Vũ trụ đã có. Như thế thì chỗ đồng nhất tính giữa Con người và Vũ trụ ấy đã có từ Vũ trụ thành hình đến nay. Nó nằm trong một trạng thái biến hóa tự nhiên qua những định luật thiên nhiên tạo ra cho những môi trường sinh hoạt liên hệ. Chỗ đồng nhất tính của Tiềm năng sáng tạo Vũ trụ ấy, tôi gọi là Thể Tính, là nguồn sống chung giữa Vũ trụ và nhân sinh, không phải chỉ riêng cho mặt địa cầu này mà cho toàn các địa cầu khác trên mọi tinh vân liên hệ...

Nói tổng lại, Thể Tính là một hiện trạng trường lưu mang Vũ trụ tính nằm trong Tiềm Lực Thiên Nhiên chủ trì cuộc tấn hóa chung theo nhận định của con người hiện đại mà tác giả đã hân hạnh được khai thị từ 1960. Nó khơi động mạch siêu hình ở Tây phương đang bế tắc để đem lại chỗ đại hòa điệu của hai tư trào triết học Đông Tây mà không một con người hiện đại nào không mong muốn.

BÀI 5: SỰ HIỆN HỮU CỦA THỂ TÍNH

Năm 1971, với tác phẩm Lý Thuyết Tổng Hợp, tôi đã đề ra một Nhân sinh quan dưới tầm nhận định khoa học do biểu tượng Thiên Nhân mà tôi đã được bố hóa để thấy rõ ánh hào quang ba lần sáng chói trước mắt tôi trong ba đêm khuya năm Đinh Hợi - 1947 tại Thánh Thất Trung An - Quảng Nam, trụ sở của Hội Thánh Cơ quan Truyền giáo Trung bộ đương thời Việt minh gọi là Liên Khu V để tôi nhận diện một Linh Năng quán thông Vũ trụ qua hai yếu lý Quang Năng và Động Lực điều động Vũ trụ từ khai thiên lập địa cho đến bao giờ.

Năm 1974, trong sách Bản Thể Luận, tôi đã hạnh ngộ để nhận biết có một Hữu Thể, Nguyên Nhân đầu tiên của Vạn vật mà trước đó với đề tài Bản Thể tôi không biết như thế nào, từ đâu mà có Vũ trụ, có Vạn vật và từ đâu mà có sự tìm hiểu của mình để tôi hoàn thành sự khám phá một Nhân sinh quan và một Vũ trụ quan mới mà xưa nay chưa có lập thuyết nào tương tự. Đây là một quan điểm thuần túy triết học mà tôi đã được ân huệ khai thị rõ rệt.

Năm 1978, tôi lại đi vào sự khám phá con người với tác phẩm Nhân Diện nhờ vào sự bố hóa của Vô hình cho biết con người có một "sứ mạng cảm thông trong Tiềm Lực Thiên Nhiên cuộc sống bất diệt của Vũ trụ" mà tôi đã nhận lãnh từ 1960 để tôi không còn nghi ngờ gì nữa về luận thuyết của mình mà mạnh dạn đi sâu vào sự khám phá mới cho dù cuộc sống đang cuồng loạn quanh mình dưới chế độ khắt khe của chủ nghĩa tam vô thú vật cộng sản mà tôi là con mồi luôn bị săn đuổi mà họ chưa bắt được...

Các sách xưa có ghi: "Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái biến hóa vô cùng..." (Kinh Dịch), hay: "Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật..." (Đạo Đức Kinh), hoặc nếu ta chịu khó sưu tầm các loại kinh điển các tôn giáo cổ đều không thiếu các ẩn dụ tương tự trong sự diễn đạt cái mơ hồ của thời khai thiên lập địa. Nhưng vấn đề mà các triết gia và khoa học gia Tây phương như Aristote và Galiléo đã nêu ra (xem bài 2) sau này với Newton có thể xem như là nhu cầu cho một ý thức hệ hiện đại về Vũ trụ quan và Nhân sinh quan mà nền văn minh nhân loại không thể bỏ qua đi.

Do đó, con người không phải tự họ có mặt trên trái đất này mà đầu tiên đã có một Linh Năng hay Hữu Thể bất khả tư nghị làm Nguyên Nhân đầu tiên để từ đó phân ra hai phần Mô Thể gọi là Tâm Thể tạo nên thế giới vô hình và Vật Thể tạo nên thế giới hữu hình tràn ngập Vũ trụ gọi chung là Thực Thể là nguồn cội biến hóa Vũ trụ. Cho đến khi Trí Thể thành hình do Mô Thể của hai phần Tâm Thể và Vật Thể bằng bạc trong Vũ trụ phối hợp lại qua những tỉ lệ khác nhau mà phần Tâm Thể khi rất hiếm hoi trong Vật Thể thì tạo ra loài vật vô tri như thảo mộc, rồi tỉ lệ ấy tăng dần với Tâm thể khá hơn để tạo ra loài vật hạ đẳng thú cầm, nhưng khi tỉ lệ Tâm Thể và Vật Thể bằng nhau thì lại tạo nên Trí Thể chỉ có nơi Con người, mô thức của Hữu Thể đầu tiên sau khi phân tán ra cùng Vũ trụ. Bởi thế, Trí Thể gồm những Mô Thể - khoa học ngày nay gọi là nguyên tử - đã tạo ra Con người có đủ tự lực hoạt động để chủ trì cuộc tấn hóa của mình trở về Hữu Thể mà không loài vật nào có thể so sánh được. Như thế, Con người không phải do một động vật nào biến sinh mà luật tấn hóa chỉ có trong phạm trù Tâm Thể trong khi Vật Thể thì hình hiện và tiêu đi theo luật Thiên điều mà thôi.

Trên đây là phương diện sáng khai Vũ trụ của Tạo Hóa, còn về mặt chủ trì Vũ trụ thì từ Linh Năng hay Hữu Thể xuất phát một Tiềm Lực Thiên Nhiên điều động cuộc sống Vũ trụ không bao giờ ngừng nghỉ để tạo nên công cuộc tấn hóa chung gọi là Thiên lý mà khối Linh Năng đã ban bố cho Vạn vật từ khai nguyên bởi tính bất biến của Nó với phần hấp thụ nhiều nhất là Trí Thể hay Con người. Nhưng khi Vũ trụ sống trường tồn bất diệt thì đời sống con người bị hạn hẹp trong một khoảng không thời gian nhút nhát, nên đòi hỏi nơi họ cái sứ mạng cảm thông kia để tự họ nhận biết mình sinh ra để làm gì và sẽ về đâu. Ý thức được chu trình diễn biến đó thì một đời sống con người chỉ là một cuộc khảo duyệt với căn bản phân thanh khứ trước để trở

về nguyên căn của họ mà thôi. Chính đây là một kỷ cương tu học mà phần Vô Vi của Cao Đài giáo đã có từ 1921 với sự ngộ đạo tại Phú Quốc của quan phủ Ngô văn Chiêu.

Nói cách khác, cái sứ mạng cảm thông kia, hay nói thông thường là cái sống có suy tư, có tín ngưỡng của con người trong lòng Vũ trụ đã cho họ một giá trị chân xác và một ý nghĩa rõ rệt bắt đầu từ nguyên ủy cấu tạo mà ra. Cho nên, những giả thuyết vô minh để liệt con người vào hàng lực đạo ngang với súc sinh chính là phân thân của các nguyên thuyết duy vật trong tâm nhận diện loài người có thủy tổ là cầm thú mà các người hiện sinh đã nghe theo với những luận cứ mơ hồ, trống không, vô nghĩa thật chẳng khác gì cái tội tổ tông kia mà con người đã phải gánh chịu một cách oan uổng cũng do các Thánh kinh kia bịa ra thôi...!

Những gì tôi nêu ra trên đây không gọi là chân lý suông được bởi đây không phải là những lý lẽ biện luận, mà đây là những thực chất bất khả tư nghị mà tôi gọi là Thể Tính, khi tìm hiểu về nó thì gọi là Thể Tính học. Tuy nhiên, đứng trên bình diện Hiện Tượng - là cái bóng hình của phần Thể - thì mọi sự mọi vật đều có một danh xưng khác nhau cũng có nghĩa là những lý giải khác nhau, chỉ có cái lý giải hay cái nghĩa đầu tiên mà Phật gọi "đệ nhất nghĩa" thì mới thật là Thể Tính. Mà bất gặp được đệ nhất nghĩa chỉ có nơi Thánh nhân gọi là sở đắc của Thánh trí tự giác, còn danh từ của người thường không bao giờ đạt được. Ấy vậy mà các ngài Vô Trước - Thế Thân hay về sau Trần Na đã cô tạo ra cái Duy Thức Luận đem mổ xẻ con người ra manh múng với lực lượng rồi tam chi, sự việc không khác Tâm lý học của Tây phương trong ý nghĩa của lực căn, lực thức, lực trần chỉ là một lối luận lý tam đoạn, nhưng sự thể có đến đâu!

Đến đây, ta có thể khẳng định rằng trong vô vàn Vũ trụ, tất cả mọi ứng hiện trước quan sát của con người đều có một biệt danh, nhưng trong những sai biệt trên ngôn từ đó có một cái lý đồng nhất mà Nho gọi là: "Thiên mệnh chi vị tính..." dẫn về cái lý ẩn tàng của Lão gọi là: "Đạo khả đạo phi thường đạo" hay Phật trong câu: "Nhứt thiết pháp vô tính, ly ngôn thuyết phân biệt..." Tất cả dẫn về cái ẩn bên trong của vật mà tôi gọi là Thể Tính đã tác dụng lên mọi vật mà biến sanh, nhưng nếu gọi tên nó ra thì không phải là tên nó nữa. Phải chăng vì thế mà Lão tử đã thêm câu: "Danh khả danh phi thường danh" để làm cho sáng tỏ cái lý ẩn tàng của Đạo bao hàm sự sống của Vũ trụ về thực chất mà Tiềm Lực Thiên Nhiên cho tôi biết đã tạo mọi hiện tượng cần cho cuộc sống bất diệt đó để có sứ mạng cảm thông tới đó mới có được giá trị sống còn trên đời này vậy.

Cũng nên minh xác rằng Thể Tính không phải là cái Đạo mà là cái hiệu năng bất biến ẩn tàng trong sự biến dịch luân lưu của Vũ trụ mà nếu thiếu đi thì Vũ trụ không còn khả năng sinh tồn trường cửu. Nó hiện diện trong cùng mọi cơ cấu của Vũ trụ bao la cũng như Vũ trụ tế vi mà chính con người là mẫu dung hợp rất tinh vi của hai Vũ trụ đó vậy.

Nhưng con đường đi vào Thể Tính không theo ngã ngoại quan suy luận mà thật sự là ngã nội quan cảm tính. Chẳng thế mà đức Khổng, nhà hiền triết thực tiễn nhất đã phải than câu: "Thiên hà ngôn tại, tứ thời hành yên, bách vật sanh yên..." để nhắc cho thế hệ mai sau biết rằng càng luận biện bao nhiêu càng đi xa chân lý bấy nhiêu, nếu không biết trầm tư để cảm thông với cái sống thiên nhiên vạn vật.

Và lời than ấy cũng nhắn nhủ cho nhân loại biết rằng càng luận thuyết bao nhiêu càng đi vào tối mịt của vấn đề. Chỉ có sự đi tìm trong cõi Vô hình vắng lặng kia mới tìm ra chân tướng thực tại của vấn đề và lúc đó, con người mới đi vào Thể Tính là cửa ngõ cho họ đi vào Vũ trụ vậy.

BÀI 6: CÁC BỘ MẶT CỦA THỂ TÍNH HỌC

Như bài trước đã nói, Thể Tính là phần thực chất hiện diện bên trong mọi hiện tượng, mọi sắc thái của sự sống còn từ bất diệt của Vũ trụ đến nhút nhời của con người, nhưng không lệ thuộc vào danh tánh của sự vật mà bao hàm một đồng nhất tính làm đà tiến hóa chung Vũ trụ. Tính đồng nhất này biểu hiện bên trong bằng một thực thể nên gọi là Thể Tính, hoàn toàn vô biệt chủ quan như cái tâm - bởi cái tâm chỉ có nơi con người mà không có trong Vũ trụ - nên Thể Tính đã hàm chứa một Vũ trụ tính bao quát khi tâm giới chỉ thu lại nơi nhân tính, cho dù có hiểu như Phật tính thì cũng chỉ giới hạn trong tầm mức của con người không thích ứng với chiều sâu của Vũ trụ được.

Tính bất năng của các học thuyết phần đông là ở chỗ đem con người đặt trùm lên trên Vũ trụ với những ngộ chứng của họ đạt được trong nhút nhời, trong khi phải đặt Vũ trụ lên trên con người thì mới có được cái bề thế kích thước thái vi vãn đề. Khi nói đến Thể Tính thì ta không đem Vũ trụ và con người chồng lên nhau mà chỉ nối dây liên hệ giữa Vũ trụ và con người như là đồng tính với nhau. Như thế cũng có nghĩa là ta đã nhận diện ra được Thể Tính vậy. Có thể nói, Thể Tính đã thống hiệp mọi cảnh giới, mọi sắc tướng, mọi sự vật trong Vũ trụ thành một khối đa năng đa dạng làm nên cuộc sống chung giữa Vũ trụ và con người, nhưng phải thấy rằng Vũ trụ bao la kia đã tạo nên con người bé tí này mới khế cơ hợp đạo, nhưng nếu chủ quan mà đặt con người lên trên tất cả thì đó chỉ là một luận cứ phạm phu nào ai có biết dù khi đề cập đến thì chỉ cho đó là cái "chân lý" mà thôi.

Nhận ra một người, ta chỉ cần biết màu da sắc tóc hay hơn nữa là tính tình, tư tưởng cùng quê hương của họ, chứ ai tìm hiểu hơi thở của họ mạnh yếu thế nào nếu ta không phải là y sĩ chẩn bệnh. Nhìn một cảnh trí, ta chỉ nhận thức cái vẻ đẹp của màu sắc cỏ cây hoa lá tạo nên những sắc sỡ thiên nhiên, có khi nào ta tìm hiểu nó sống như thế nào, khí oxy đi vào và khí carbonic đi ra làm sao nếu ta không phải là nhà sinh vật học, hoặc khi đưa mắt nhìn bề cả bao la với những làn sóng cuộn cuộn trắng xóa sủi bọt uốn lượn từ thẳm mỷ đến hải hùng, chạy tít ngoài xa thẳm kia, có khi nào ta để ý đến những làn hơi từng khi bay lên bầu trời và đọng lại tại đó để thành những đám mây lơ lửng giữa không trung cho đến khi thành những giọt mưa tưới nhuần mặt đất để hoàn thành cuộc tuần hoàn sáng tạo cho nhân thế từ bao giờ mà nếu không có nó, loài người đã âm thầm ra đi mà không còn để lại một di tích nào như hôm nay ta còn nhận biết đâu!

Thể Tính không bộc lộ nơi hiện tượng như một trạng thái sống động riêng rẽ nơi mọi vật mà chỉ bao hàm cái tính đồng nhất liên đới giữa vạn vật với nhau dù các cảnh giới khác nhau đã tạo nên môi trường sinh hoạt cho mỗi tư phương chủng loại khác nhau trong Vũ trụ.

Do đó mà trong những môi trường liên hệ, Thể Tính có mang theo đặc tính của những môi trường ấy vốn là những biến thái của Vũ trụ làm cho phong phú cuộc sống chung không thể không có. Cũng từ đó mới có chữ chúng sanh, chữ vạn loại mà dù cho ở vào một địa giới tinh vân nào, loài người cũng có cùng một Tâm thể và một Vật thể như nhau để cùng có một sứ mạng cảm thông như nhau trong Tiềm Lực Thiên Nhiên cuộc sống bất diệt của Vũ trụ.

Chính cái đặc thù đa dạng đó đã khiến cho các triết gia xưa nay không gọi được tên nó ra bởi Thể Tính luôn luôn ẩn tàng trước sự quan sát của loài người.

Danh từ "être" ở Tây phương chỉ nói lên một khía cạnh bộc lộ của sự sống không đủ diễn tả cái Thể Tính sống động một cách toàn diện trong lòng Tạo Vật nên những quan niệm về sự sống còn của người Tây phương thường phiến diện mà chủ quan không đi tới đâu.

Nhưng ta thử đề ra các trạng thái của Thể Tính trong lòng Vũ trụ có liên hệ đến quả địa cầu mà chúng ta đang bám vào nó trong một thời gian tuy ngắn ngủi nhưng cũng đủ cho ta biết được Thể Tính đã gọi cho ta những ý nghĩ gì...

Ta hãy lần lượt tìm hiểu các trạng thái như sau:

1- Trạng thái tự khởi: Tiềm Lực Thiên Nhiên.

2- Trạng thái tự biến:

- Giai đoạn 1: Ngẫu Lực hay lực tương phản.
- Giai đoạn 2: Tinh Lực hay lực hỗ tương.
- Giai đoạn 3: Sinh Lực hay lực cộng hưởng.

1- THỂ TÍNH Ở TRẠNG THÁI TỰ KHỞI

Ở trạng thái tự khởi, Thể Tính được biểu thị bằng một khối đồng nhất gọi là LINH NĂNG xuất hiện đầu tiên trong Vũ trụ như là nguyên thủy của mọi sự vật - mà trong sách Bản Thể Luận tôi gọi là Hữu Thể - nhưng khối Linh Năng không chủ trì cuộc sống Vũ trụ được nếu không có một Tiềm Năng sáng tạo tự Nó mà ra. Tiềm Năng đó gọi là Tiềm Lực Thiên Nhiên.

Đó là một Lực tiềm tàng mà bao quát hiện diện cùng khắp, nơi đâu có sự sống thì nơi đó có sự hiện diện của Nó. Chính Tiềm Lực Thiên Nhiên đã tạo ra các điều luật vận hành các tinh vân trong bầu Vũ trụ, qui định quỹ cách của chúng, điều động các hành tinh quay vòng chung quanh định tinh với những tốc độ tùy theo mỗi môi trường. Cũng thế, nơi Tiểu Vũ trụ, Tiềm Lực Thiên Nhiên đã điều động sự vận hành của các âm điện tử chung quanh hạch nhân là dương điện tử với những chu kỳ và quỹ đạo không khác các tinh vân ở Đại Vũ trụ. Số lượng các tầng lớp âm điện tử khác nhau (như hydro có 1 trong khi uranium có 92 âm điện tử) cho ta biết số lượng hành tinh khác nhau trong bầu Vũ trụ. Như thế thì Thái Dương Hệ của ta tương đương với chất fluorum cũng 9 âm điện tử (hành tinh) quay chung quanh một hạch nhân (định tinh), và chắc phải có những tinh vân với những định tinh có số hành tinh tương ứng như các chất nguyên tử khi có đến 92 hành tinh như chất uranium trong số 3072 ngôi tinh tú hiện ra trên bầu trời trong những đêm không trăng. Những điều này mấy ai đã tìm biết?!

Những gì mà con người có thể biết đến nay có thể xem như là những phát khởi của Tiềm Lực Thiên Nhiên ở trạng thái đầu tiên như sau:

- **TỪ LỰC** (*Force magnétique*): là một Tiềm Lực Thiên Nhiên giữ cho mọi vật ở thế quân bình tự hữu. Các hành tinh định tinh, mọi vật mọi loài đều có mang theo trong mình những từ lực để giữ cho thăng bằng vị trí sống động của mình. Các từ trường của mọi vật có khi chằng chịt với nhau để tạo nên những vị trí riêng rẽ có quãng cách cần thiết đối với chung quanh để tránh những va chạm không may bất ngờ.

- **HẤP DẪN LỰC** (*Gravitation universelle*): là một Tiềm Lực Thiên Nhiên níu kéo mọi vật thể lại với nhau theo những khoảng cách nhất định vào một hành tinh cần cho sự sống chung để không bị chia ly manh mún khiến cho mất đi cái đại hòa điệu cố hữu của Vũ trụ.

- **TRỌNG LỰC** (*Pesanteur*): là một Tiềm Lực Thiên Nhiên chỉ có nơi các hành tinh có sự sống muôn loài để giữ thăng bằng cho vạn vật với vị thế cần cho nếp sinh hoạt của vạn loại. Đối lại với Trọng lực có Lực ly tâm (*Force centrifuge*) kéo vật ra khỏi vị trí hay Quán tính (*Inertie*), Lực nội tại (*Force intérieure*) khiến cho vật tự chủ trì lại với các lực tác động bên ngoài.

2- THỂ TÍNH Ở TRẠNG THÁI TỰ BIẾN:

Tiềm Lực Thiên Nhiên tạo nên những tác động cùng khắp để giữ cho Vũ trụ theo một trật tự an bài không sai chạy có thể ví như một mạng lưới chằng chịt các lực trong Vũ trụ, điều mà nhà bác học Einstein buổi sinh tiền đã cố thống nhất các lực mà không được. Nhưng khi đi vào các giai đoạn biến hóa của Vũ trụ để tạo nên cuộc sống bất diệt của nó thì Tiềm Lực Thiên Nhiên cũng biến hóa theo những điều kiện phân bố của khối Linh Năng bất khả tư nghị đó.

Đó là các giai đoạn biến thể của Tiềm Lực Thiên Nhiên kể từ khi Thực Thể và Trí Thể thành hình:⁷

- *NGẪU LỰC (Couple)*: là lực có khi song hành có khi ngược chiều tương phản nhau. Theo sự điều động của Linh Năng với một Vũ trụ phong phú và biến hóa liên tục, Tiềm Lực Thiên Nhiên đã khơi động sự phân tán của Hữu Thể thành những phần tử vi gọi là Mô Thể tràn đầy Vũ trụ dưới dạng thức của hai lực hiện diện, đồng thời trực đối nhau tạo nên một thể Ngẫu lực vừa không chế vừa bồi bổ nhau. Cả hai đều tiềm tàng những khả năng tự lập và biệt lập nhưng vẫn không ra khỏi Tiềm Lực Thiên Nhiên.

Đó là cái thể Ngẫu lực TÂM VẬT đã hiện diện trong mọi trạng thái biến hóa của Vũ trụ. Tâm thì ở trạng thái tĩnh, Vật thì ở trạng thái động. Nói cách khác, Tâm là Tĩnh lực mà Vật là Động lực biến thành. Khoa học ngày nay có thể nhận diện Thể Tính này của Vật qua thuyết Tương đối giới hạn của Einstein với công thức $E=mc^2$ đã khám phá được năng lực vật chất qua tốc độ của ánh sáng ($c=300000\text{km/gy}$), mà ánh sáng là gì nếu không phải là thể thăng hoa của vật chất mà ta đã nói trên (bài 3). Trong khi đó thì Tĩnh lực chính là phần Tiềm Lực Thiên Nhiên phối hợp với Linh Năng gọi là Quang Năng⁸ để tạo nên một thể Ngẫu lực với Vật không thể không có trong sự hình thành vạn vật bắt đầu từ Trí Thể về sau⁹.

Bởi thế, cái Ngẫu lực Tâm Vật trong Vũ trụ luôn luôn tạo thành một vòng luân chuyển diễn biến diễn hóa¹⁰ lúc ẩn lúc hiện khiến cho con người khó lòng khám phá thực thể của nó hoàn toàn mà các nhà tôn giáo thường lầm lẫn với cái luận lý "sắc bất dị không, không tức thị sắc" là vì vậy mà cái tông phái hữu vô, sắc không, sai biệt và vô sai biệt của Phật thuyết hoặc cao hạ, trường đoản, âm thanh như Tiên ngôn đã có thì cũng không ra ngoài nhận định từ ngũ quan mà ra thôi...

Đồng thời, Tiềm Lực Thiên Nhiên cũng làm nảy sinh từ Ngẫu lực này những biến thể tự nó phân ra không do cảnh giới bên ngoài. Do đó mà ở trạng thái ẩn của Tĩnh lực, sự phân thân của các đẳng Vô hình trong Vũ trụ Tâm linh rất dễ nhận biết nơi các tôn giáo học thuyết đã tạo nên hai thời kỳ văn minh trước của nhân loại¹¹ mà dù các tay duy vật có phủ nhận thì cũng không chối bỏ được thành quả sáng tạo của nó trong lịch trình tiến hóa của nhân loại.

Còn ở trạng thái hiện của Động lực thì sự phân thân này đã được khoa học khám phá ra. Sự chế biến các chất đồng vị từ uranium đến radium và plutonium do ông bà Curie (Pháp) vào đầu thế kỷ này đã cho thấy các chất radium thường do sự phân xuất (emanation) tạo ra những chất đồng vị (có số âm điện tử giảm đi so với chất mẹ) với nó tạo thành những gia đình radium mà những chất con nhận một phần của chất mẹ đã có trước mà thành hình, bởi khi chúng tự tạo thành cũng là khi chúng tự hủy diệt theo những định luật nhân sự như thời cổ hữu. Cho nên, trong khối vật chất đơn thuần mà ta gọi là vô tri kia đã có sự sinh trưởng từ một chất mẹ, sự kết tập thành những gia đình để tạo ra những vở bi kịch giấu kỹ sự sống và sự chết có khác gì thế giới sinh vật trên mặt đất này.

Tuy nhiên, bên Tâm có hai thể lực song hành không chế nhau là chánh và tà thì bên Vật cũng có hai thể lực đối đầu là thật và giả khiến cho mọi hiện tượng trên đời đều có hai bộ mặt, thiết tưởng đó cũng là Thể Tính tự nhiên cố hữu của Vũ trụ vậy.

⁷Xin xem sách *Lý Thuyết Tổng Hợp*

⁸Xin xem sách *Lý Thuyết Tổng Hợp*

⁹Xin xem sách *Lý Thuyết Tổng Hợp*

¹⁰Xin xem sách *Lý Thuyết Tổng Hợp*

¹¹Xin xem sách *Bản Thể Luận*

- *TINH LỰC (Énergie)*: là phần cấu tạo cơ năng vạn vật tiếp liền sau Ngẫu lực cũng từ Tiềm Lực Thiên Nhiên tạo thành. Đó là sự hình hiện các thể trực đối nhau nhưng hỗ tương nhau trong công trình sáng tạo của khối Linh Năng. Nó xâm nhập trong Vũ trụ tế vi của nguyên tử để điều hành các điện tử, nó tóm thâu các tinh vân để tạo thành những hệ thống định tinh và hành tinh - như Thái Dương hệ - vận hành theo định luật bất biến tự bao giờ. Các hào quẻ Âm Dương trong Kinh Dịch đã liên kết nhau từ Thái Cực (Hữu Thể) sinh Lưỡng Nghi (Âm Dương), sinh Tứ Tượng biến hóa vô cùng đã hé mở cho nhân loại biết cái Sinh lực của Vũ trụ không phải lúc nào cũng bộc lộ trước nhãn quan của con người.

Điện lực mà khoa học đã phát hiện ra có hai điện cực âm dương tuy trực đối nhưng song hành để tạo thành một cơ năng mà nếu thiếu đi một cũng không được. Và chẳng đây có thể là phần Tinh lực cố hữu của Vật thể mà con người nhận biết được qua trí thức não bộ của mình. Cũng như Điện từ học là một tinh lực kết hợp từ điện lực và từ trường của nam châm mà ra.

- *SINH LỰC (Force vitale)*: Sự hiện diện của hai Ngẫu lực và Tinh lực từ Tiềm Lực Thiên Nhiên cũng đủ cho cái sống của Vũ trụ nói chung ít ra cũng từ Hữu Thể đến Thực Thể¹². Nhưng cho đến giai đoạn thành hình Trí Thể với sự xuất hiện các loại sinh vật thì một lực nữa là Sinh lực được thành hình làm chủ đề cho mọi trạng thái sinh hoạt nơi các sinh vật trong môi trường liên hệ bằng bạc trong cùng Vũ trụ, không riêng gì cho quả địa cầu này.

Với nhãn quan của con người trong không gian vô biên và thời gian bất tận, ta có biết gì phần Sinh lực của Vũ trụ ngoài cái ánh sáng của mặt trời và cái quay vòng của quả đất hay tình tiết hơn với lời than của đức Khổng: "Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, bách vật sanh yên..." như đã dẫn chứng về cái bất lực của luận lý trong sự khám phá ra Thể Tính hay nói riêng cho cái Sinh lực bao quát của Vũ trụ này.

Nhưng nếu ta chịu khó đi tìm những luận giải về cuộc sống của sinh vật thì ta cũng sẽ thấy Tiềm Lực Thiên Nhiên đã điều động tất cả. Bởi khi trong Vũ trụ từ Hữu Thể đến Thực Thể do các Lực đã nói trên điều động các cơ năng diễn biến và diễn hóa để tạo thành cuộc sống trường tồn của Vũ trụ thì khi đi vào cái sống sinh vật, các Lực ấy lại biến thành các Luật do con người tự phát để điều động cuộc sống muôn loài.

Cho nên, dù con người có sẵn hay không, trong Vũ trụ có Tiềm Lực Thiên Nhiên hoạt động có tác dụng hữu hiệu trong cuộc sống nhân sinh cũng như có tác dụng trong nền trật tự chung Vũ trụ mà không phải như các sư cho rằng Vũ trụ này chỉ có cái nhân duyên mù mịt nào đó tạo ra cũng làm cho mất đi mà thôi (chư pháp nhân duyên sinh cũng do nhân duyên diệt). Nhưng tác giả cho rằng trong Vũ trụ có Tiềm Lực Thiên Nhiên tạo nên sự quân bình cố hữu của trạng thái thiên nhiên, dù có sự hiện diện của con người hay không thì chính Tiềm Lực kia cũng tạo nên sự quân bình xã hội loài người bằng những Luật tương ứng từ con người tạo ra để làm thành nề nếp kỷ cương trong cuộc sống nhân sinh vốn là nguồn cội phát sinh đạo lý nhân bản mà các loài động vật khác không có. Theo đó có ba Lực tương ứng là Lực tương giao, Lực tự chế và Lực bảo hòa lược dẫn như sau:

1- Lực tương giao (Force relative):

Lực này gồm hai giai đoạn chuyển hóa thứ nhất là Tiềm Lực Thiên Nhiên ở dạng tự khởi là Hấp dẫn lực và dạng tự biến là Ngẫu lực, một danh từ được tác giả sử dụng với ý nghĩa là trong Vũ trụ có Lực tương giao biểu hiện sự liên hệ giữa hai nguyên lý Dương và Âm làm nên cuộc sống điều hòa miên viễn của Vũ trụ. Sự điều hòa ấy thể hiện linh động nơi cuộc sống

¹² Xin xem sách *Bản Thể Luận*

sinh vật là tình cảm thu hút và bồi bổ nhau, phát xuất từ động cơ sinh hóa cố hữu tạo nên sự trường tồn của Vũ trụ tự bao giờ.

2- *Lực tự chế (Force incompatible):*

Lực này gồm hai giai đoạn chuyển hóa thứ nhì từ Tiềm Lực Thiên Nhiên ở dạng tự khởi là Từ lực và ở dạng tự biến là Tinh lực, một danh từ được tác giả sử dụng bao gồm những Lực tạo ra môi trường cố định lại tự giới hạn mức tác dụng để không xảy ra sự va chạm khi gần kề. Tính tự chế này đã khiến cho các tinh vân vẫn vận hành riêng rẽ trong Vũ trụ bao la không khác sự vận chuyển của các dương điện tử và âm điện tử của nguyên tử trong Vũ trụ tế vi vẫn vận hành tương giao nhau nhưng không hề va chạm nhau. Cũng như Hấp dẫn lực và Trọng lực đã tùy theo môi trường hoạt động của từng Lực mà không diễn biến lẫn lộn nhau bao giờ. Thế nên, nơi mỗi loài động vật khác nhau thì nhu cầu sinh sản cũng không như nhau mà tự tạo nên thể tồn tại trên địa bàn mặt đất này không cần có sự giáo hóa trong thiên nhiên. Cuộc sống có luân thường đạo lý khiến cho những thành phần trong gia đình có tôn ti trật tự theo nề nếp Đông phương chỉ là nhờ có hiện tượng này.

3- *Lực bão hòa (Force saturée):*

Lực này gồm hai giai đoạn chuyển hóa thứ ba từ Tiềm Lực Thiên Nhiên ở dạng tự khởi là Trọng Lực và ở dạng tự biến là Sinh Lực, một danh từ được tác giả sử dụng bao gồm những Lực giữ mức độ chuyển tiếp giữa một Vật thể mất đi và một Vật thể mới sinh ra trong một trật tự điều hòa chung của Vũ trụ cũng như tại thế gian khiến cho có sự nối tiếp còn giữ nguyên bản chất cũ mà không bị sai thù hay tuyệt diệt. Lực này là hiện thân của những phong tục tập quán và luân lý làm giềng mối kỷ cương cho mọi dân tộc tạo nên luân thường đạo lý cho từng địa phương chủng tộc trên mặt địa cầu từ thời Thượng Cổ cho đến bao giờ.

Nói cho cùng, có sinh vật nào không do một cơ ngẫu Tâm linh và Thể xác với tỉ lệ tùy theo chủng loại¹³, và có sinh vật nào sinh ra mà không do sự giao cảm Tinh lực của Âm Dương hay mái trống mà nói riêng loài người là mẹ cha khi loài người tự tạo cho mình cái thể tự chế thượng phong làm Chủ nhân ông vạn vật trong cái phẩm giá Nhân Thân Tiểu Thiên Địa của riêng mình? Nhưng những gì phụ thuộc vào cái sống nhân loại cũng không ra ngoài những quan niệm thường tình. Tâm thì có tính trường cửu, hướng về lẽ thật, làm điều thiện và tạo nên những thành quả tốt đẹp. Trong khi đó thì Vật chỉ có nhưt thời, thường có xu hướng về giả tướng, ham làm điều ác đưa đến những hậu quả xấu và lẽ cố nhiên, con người một khi đánh mất lương tâm rồi thì không điều gì xấu xa dè hèn mà không dám làm... Trong khi đó thì cuộc sống của cha mẹ thì thường chan hòa hai đối tượng: cha thì cương nghị, nóng nảy (dương có bản chất cương), còn mẹ thì nhu mì, chịu đựng (âm có bản chất nhu) nên không khí gia đình nhờ đó mà êm thấm hòa mục... Trái lại không làm sao tìm ra hạnh phúc nơi một gia đình mà vợ chồng không tương kính nhau, mạnh ai nấy bảo thủ cho mình thì sau khi chén bát bay, mái nhà cũng bay theo mà thôi. Và như thế tức là đi ngược lại với lẽ sống hồn nhiên của Vũ trụ vậy. Đồng thời cái nguyên lý thiên nhiên trồng quả đắc quả, trồng đậu đắc đậu là một công lệ từ xưa nay, không ai là không biết, nhưng nếu đem suy diễn vào hành vi của con người thì dễ thường có người chối bỏ mà chỉ biết có tự do phóng đảng của mình, không cần biết hậu quả ra sao...

Các học thuyết xưa nay thường nêu ra một trong những sắc thái của cuộc sống trên đây, như tâm vật, âm dương, nhân quả, chân vọng, thiện ác, tốt xấu mà suy diễn ra đủ thứ lập luận trong

¹³ Xin xem sách *Triết Học Nhân Bản*.

Chú ý: Các danh từ Ngẫu Lực, Tinh Lực, Sinh Lực trong sách này nên hiểu theo nghĩa hồn nhiên trong Vũ trụ chứ không nên hiểu theo nghĩa hẹp thường tình.

lúc chẳng biết từ đâu mà nảy sinh ra đủ tấn tuồng diễn tiến kia khi nó có một nguyên nhân hoặc thuận hoặc nghịch chiều với các mặt Thể Tính trên đây. Mà khi đi vào thực chất của cuộc sống Vũ trụ mà chỉ dùng chữ chân lý thì làm sao tránh khỏi sự ngộ nhận trong ngôn từ cũng như trong sự diễn đạt tư tưởng của mình được.

Thực trạng xã hội vào thời Hạ nguơn mặt pháp này mạnh ai nấy giành lẽ phải cho riêng mình cho bè đảng mình mà nói đến luật pháp thì mạnh ai nấy tự cho là mình có luật pháp cho riêng mình cho bè đảng mình, nhất là các tên cộng sản thú vật kia không cần biết có phải trái là gì mà mỗi đại họa xảy ra cho nhân loại kể từ khi có cái trò cách mạng bolchevik tháng 11 năm 1917 cho đến nay số tử vong có đến hàng 100 triệu (Nga sô 65 triệu + Tàu cộng 35 triệu) theo giới truyền thông quốc tế nêu ra chỉ vì tính gian ngoa lừa bịp tự cho chính phủ là chú phình tạo ra mà các tên ác quỷ Lê Nin, Stalin, Mao Trạch Đông nay đang bị đày đọa dưới Địa ngục chắc không khỏi ăn năn mà xem trò ý thức hệ tam vô kia (vô gia đình + vô tổ quốc + vô tôn giáo) đã tự mình đề ra thì tất nhiên phải bị luật Thiên điều, một sắc thái của Tiềm Lực Thiên Nhiên theo luật nhân quả đã có tự nghìn xưa mà hiện họ phải chịu vậy.

Bảng tóm tắt:



BÀI 7 : CÁC PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT HIỆN THỂ TÍNH

Để cụ thể hóa vấn đề, ta thử so sánh tính đồng nhất của Thể Tính như một dòng điện (được xem như một Tiềm Lực Thiên Nhiên) chạy qua những môi trường khác nhau, chạy vào bóng đèn tạo ra quang năng, chạy vào động cơ phát ra cơ năng, chạy vào bếp điện tạo ra nhiệt năng... Như vậy, ta lại bảo các loại quang năng, cơ năng, nhiệt năng kia đều khác nhau từ nguyên ủy có được không, hay là sự khác biệt kia chỉ do môi trường sinh hoạt của điện năng mà thôi?

Như thế, ta có thể suy nghiệm ra từ các phương hướng nhận định chân lý đã có trước để xem có thể áp dụng cho sự nhận diện Thể Tính ngày nay được chăng?

Căn cứ vào các phương pháp biện luận đã có, ta có thể đưa ra những nhận định sau đây:

- Phương pháp chủ quan.
- Phương pháp khách quan.
- Phương pháp trực quan.

Ta hãy xét lần lượt:

- PHƯƠNG PHÁP CHỦ QUAN

Phương pháp này xem như đã có từ xưa, nhất là ở Đông phương với Phật giáo và ở Tây phương với hầu hết các triết gia kể từ Socrate đến Descartes rồi Heidegger. Sự thể đã kéo dài từ 27 thế kỷ qua, lấy con người làm chuẩn nhắm vào các hiện tượng Vũ trụ mà suy diễn thành những gì mà từ thể hệ này sang thể hệ khác gọi là chân lý.

Tuy nhiên, Vũ trụ là một khối biến dịch mà tất cả những gì trong phạm vi của nó cũng không bao giờ đứng dừng lại ở một điểm nào. Như vậy thì ta sẽ căn cứ vào đâu mà đi tìm cái Thể Tính đồng nhất bất di dịch kia? Do đó, phương pháp chủ quan chỉ thích ứng một chiều từ con người đến Vũ trụ mà phải đi ngược lại từ Vũ trụ đến con người mới xác định được chân giá trị của phần khai sáng Vũ trụ trong đó có con người. Đã đành con người là mẫu dung hợp trung thực nhất của Vũ trụ, nơi Vũ trụ có gì thì nơi con người có những thứ ấy, nhưng sự hiện diện của Thể Tính nơi con người có thể xem như phần tế vi mà đem suy diễn ra cùng Vũ trụ thì khó mà tránh được những thiếu sót. Các nhà duy tâm, duy vật, duy thức, duy lý, duy sinh và các phương tiện trí não, con tim và tình cảm đều đã đi vào ngõ cụt của phiền diện, nếu không là ngõ cùng của bế tắc. Nói chung, hầu hết các Triết gia Đông Tây đều đi ngõ này để đến chiều sâu của Vũ trụ, nhưng vì mức cảm thông của họ bị chi phối bởi hoàn cảnh bất túc nên đã mấy ai đi đến mức cuối cùng của sự giác ngộ được.

- PHƯƠNG PHÁP KHÁCH QUAN

Phương pháp này đi ngược lại với phương pháp chủ quan với lập luận cho rằng "không thể tự mình quan sát lấy mình qua khung cửa sổ" của Auguste Comte (Pháp-thế kỷ XIX) đã đề ra: "Chúng ta không biết gì khác ngoài kinh nghiệm. Chỉ có một câu châm ngôn tuyệt đối, đó là không có gì tuyệt đối cả" (Nous ne connaissons rien d'autre que l'expérience. Il n'y a qu'une maxime absolue, c'est qu'il n'y a rien d'absolu). Phương pháp này đã phồn thịnh từ thế kỷ XIX để biến thể từ một luận cứ khoa học chối bỏ Thần học để thay vào đó luận cứ nhân quả siêu việt (causalité transcendente) và chối bỏ Siêu hình học với lối sử dụng ngôn từ thời Trung Cổ: "Cái kệ làm cho người ta ngủ được vì nó có một đức tính ru ngủ", để đến giai đoạn thực nghiệm giải thích cho ra một định luật (donner la loi). Nó còn là một thuyết chính trị nhắm vào sự cải tổ xã hội vào thời đại kỹ nghệ mà các lý thuyết gia (bác học, triết gia, nghệ sĩ) thường đối chọi với giới thực hành (thương gia, kỹ nghệ gia và nông gia). Đồng thời, nó cũng trở thành một tôn giáo tự nhận là tôn giáo nhân loại chối bỏ Thượng Đế siêu nhiên, bất khả tư nghị. Các nhà khoa học ngày nay mong mỗi xâm nhập vào huyền bí của Vũ trụ cũng do ngã này, nhưng đó chỉ là sự mò mẫm không đâu bởi ngũ quan và phương tiện hạn hẹp của con người không làm sao ra khỏi bờ ranh của mặt đất hướng hồ đi vào không gian vô tận kia mà chính những

khoa học gia chân chính như một Newton, một Ampère và gần đây một Einstein đã tự nhận sự bất lực của mình trước một Vũ trụ bao la kia mà.

- PHƯƠNG PHÁP TRỰC QUAN

Cả hai phương pháp trên đây, một đằng thì có thể với tới nhưng chịu bất lực vì sự hữu hạn của con người, một đằng thì cao ngạo xem Vũ trụ như một khối bất năng bất giác mà cứ tưởng như mình là trên hết... nên khó có thể đi vào sự bí nhiệm Vũ trụ. Do đó, một phương pháp thứ ba mà cũng là kinh nghiệm bản thân của tác giả là phương pháp trực quan.

Vậy thì phương pháp trực quan là gì? Nói như Socrate (Cogito ergo sum - Hãy tự biết mình đi) thì dễ mấy ai làm được, mà nói như Auguste Comte thì chỉ là một lập luận ngây ngô của người duy vật. Dù phải đi ngả nội tâm hay qua ngả dữ kiện như hai phương pháp trên cũng khó mà thực hiện khi mà chính con người không biết mình là ai và những thắc mắc của mình có mật thiết liên hệ đến cả một kỳ quan Vũ trụ trong đó có mình hay không?

Lẽ có nhiên, con người muốn đi đến ngả trực quan phải sửa soạn tư thế thanh lọc thân tâm của mình, ít ra cũng phải có thái độ biết kính nể cái bao la hùng vĩ đang trường tồn quanh mình như thái độ của Socrate trước khi lên tiếng thuyết giảng trước đám đông thanh niên Hy Lạp cách đây 27 thế kỷ: "Mon Dieu! Donnez-moi la pureté intérieure" (Thượng Đế ôi! Xin Ngài ban cho tôi sự trong sạch nội tại!) Bởi chính cái thân tâm trong sạch đó là cái cửa ngõ cho phần Thể Tính của Vũ trụ kia có cơ hội xâm nhập vào bản thân con người để phát hiện những gì cần cho sự thông đạt giữa con người và Vũ trụ. Đây là một biểu lộ có tính truyền cảm nội tại đúng hơn là một phương pháp thị hiện bề ngoài.

Từ nghìn xưa, đã có không ít những thành quả mà con người đã thu nhận trực tiếp từ cõi Vô hình kia do những sáng tạo sơ khai còn lại trong lịch sử mà trên khắp cõi bờ nhân diễn với những chứng tích ở Trung Hoa, ở Hy Lạp, ở Trung Đông, ở Ấn Độ còn đến ngày nay, thiết tưởng ta không thể phủ nhận giá trị của các bộ Kinh Dịch, Kinh Vệ Đà dù con người ngày nay vẫn chưa thấu triệt hoàn toàn. Đó là ta không kể đến các kinh Phật hay kinh Thánh vốn do các con người như thường tình chép lại mà lời Phật hay lời Chúa dưới hình thù nhân thể thì cũng khó mà tìm cho ra cái Thể Tính Vũ trụ đồng nhất trong đó khi mà các loại kinh này sai biệt nhau một cách rõ rệt.

Nhưng thực tế thì sự thừa tự cái di sản bất biến đó đã rất rõ rệt. Khi tôi đang viết những dòng này cũng như những lần trước để thành hình hệ thống triết học của tôi, tôi hoàn toàn không dùng hai phương pháp trên, mà chỉ biết nghe vọng lại từ thâm tâm của tôi những âm thanh liên tục để tôi chỉ kịp ghi vào trang giấy. Những gì tôi ghi ra đây là đúng hay là sai, là chân hay là vọng... điều đó tôi không cần biết. Nhưng có một điều tôi biết rõ là không có người nào trước tôi nói như tôi mà cũng không kinh điển nào cho tôi tư liệu cả. Như thế thì những gì tôi viết đây là của tôi, nhưng tự tôi không nhận biết trước khi ngồi lại bàn viết. Tôi đã bắt gặp nó không qua một trung gian nào. Như vậy chẳng phải trực quan là gì?!

Nói tổng lại thì Vũ trụ và con người đang ở trong một đại hòa điệu từng khi trỗi lên những khúc vang vọng trầm bổng mà tính chất sáng tạo thích nghi cho môi trường sống liên hệ là đề tài chính cho công cuộc tân hóa chung. Nguồn cội phát hiện Thể tính Vũ trụ nằm trong nguyên lý đó. Cho nên, những ai nuôi kỳ vọng đi tìm Thể tính Vũ trụ phải hiểu điều này.

BÀI 8: THỂ TÍNH TRONG CUỘC SỐNG VŨ TRỤ

Như đã trình bày, Thể Tính đã khơi mào từ Tiềm Lực Thiên Nhiên để tạo cho Vũ trụ một trạng thái bất diệt. Chính đó là một điều lý tự nhiên mà hầu hết những đại Hiền triết đã không phủ nhận được: "Thiên hà ngôn tai..." của Khổng tử, "Vô danh Thiên địa chi thủy" của Lão tử, "Nhất thiết pháp vô tánh" của Thích Ca, tất thấy đều cho rằng một cái gì trầm lặng không lộ liễu chân tướng trong công trình Tạo Hóa từ buổi ban sơ.

Nhưng nếu Vũ trụ cứ tiếp diễn như thế thì làm gì có những hiện tượng hùng vĩ tràn ngập bầu không gian mà ta thấy ngày hôm nay trong mọi điều hòa cố hữu?

Và nếu không có một Tiềm Lực Thiên Nhiên là động cơ biến hóa thì có thể Vũ trụ chỉ là khối hỗn mang bất động tự bao giờ và lẽ cố nhiên không làm sao có sự hiện diện của sinh vật trong đó có con người nếu Vũ trụ tự nó không có một điều lý thích nghi tạo nên cuộc sống chung đó.

Cho nên, Vũ trụ từ bao giờ vẫn sống cái sống trầm lặng huyền vi mặc dù con người có biết được sự thế hay không. Chỉ một cái nhân thân mà cũng không nhận diện cho chu đáo, huống gì là những yếu tố tâm vật, sắc không, cương nhu, chân vọng cứ tuần tự hành hạ cái thân xác kia biết đến bao giờ con người mới tỉnh ngộ? Và khi ngả cảm thông kia không gắn liền con người vào Vũ trụ thì Vũ trụ chỉ là con đường trước mắt mà con người chỉ là một lữ khách có biết về đâu, sự mịt mù tối tăm sẽ đem họ về ngã nào thì đó là thực tế đã đến với con người trên thế lộ vậy.

Bởi thế, các nhà tư tưởng đã sinh ra, chìm mình trong thế chủ quan vô định rồi chết đi, có còn để lại gì ngoài những vọng động của một khoảng không thời gian có khác gì ngọn gió thoảng xuyên qua cành lá rồi tan biến vào khoảng không gian mù mịt, và âm vang của đời người không hơn giọng trầm bổng của một bài ca tình tứ vào buổi hoàng hôn nơi miền quê u tịch phơ phất hạt mưa bên hè quán trọ buổi khách dừng chân...! Như thế, một sự đắm chìm trong ảo vọng đã đến với bao nhiêu người mà Vũ trụ vẫn thản nhiên từ bao nhiêu lâu nay vẫn không thôi sự biến dịch sinh hóa vạn trùng miên viễn? Phải chăng ảo vọng nơi con người đã chìm trong cái chân như của Vũ trụ mà có bao giờ họ chịu nhận biết?

Một điều có thể thấy rõ là con người trên mặt đất đã mang theo lớp vỏ hiện tượng bọc ngoài nên không thể nhìn thấy cuộc sống thật giữa mình và vũ trụ có một ngã khai thông mà Tiềm Lực Thiên Nhiên đã qui định tự bao giờ...

Những nhận định qui về một môi không gian và thời gian liên tục "le continuum espace-temps" để gọi là không gian bốn chiều của khoa học ngày nay chỉ là sự ngộ nhận không giải thích được bởi dưới tác dụng của Tiềm Lực Thiên Nhiên, không gian nằm trong định luật biến hóa mà thời gian nằm trong định luật trường tồn của Vũ trụ, một đằng thì mang tính bao quát rộng mở, một đằng thì mang tính triền miên dai dẳng, hai đằng không phân ly mà cũng không kết hợp, mà chỉ tương kế tựu kế với nhau để không triệt tiêu nhau bao giờ. Ấy thế mới huyền vi mầu nhiệm trong cái thế duy trì cuộc sống vĩnh cửu tuy bằng bạc trước nhãn giới con người mà vẫn sâu xa huyền bí vô ngần! Như thế thì khối Linh Năng hay Hữu Thể là Thượng Đế, Đấng Chúa Tể Tối Cao đã được nhân loại tôn xưng là Đấng Toàn Tri, Toàn Năng, Chí Thiện, Chí Mỹ thật không thể phủ nhận được. Những con người nào đã sống cái sống trên mặt đất này mà dám vỗ ngực chối bỏ Ngài quả là những kẻ đã đánh mất cái lương tri bẩm sinh của mình rồi vậy!

Nói về cuộc sống chung giữa Vũ trụ và con người với những điều lý tự nhiên thì các sách Lý Thuyết Tổng Hợp, Bản Thể Luận của tôi đã minh xác giá trị thực tiễn của nó không cần phải lặp lại nơi đây. Chỉ cần cho thấy rằng Vũ trụ do Tiềm Lực Thiên Nhiên điều hợp bởi những Từ lực không thể nằm trên một mặt phẳng mà phải trong tư thế bầu dục của từ trường mà những chòm sao Bắc Đẩu và Nam Tào đã cho ta thấy về một đêm không trăng hai đầu của Thiên cực

gọi cho ta hai đầu địa cực Bắc Nam chứng tỏ rằng Thiên cơ mầu nhiệm cũng có khi bộc lộ trước nhãn quan của con người...

Tuy thế, không ít nhà khoa học đang cố đục thẳng vào chiều sâu của Vũ trụ mà đưa ra những giả thuyết như Vũ trụ là cái khung chứa đầy ê-te trong đó có thể quan sát sự chuyển động của các thiên thể đã có từ xưa cho đến Newton và Maxwell đã bị Einstein phủ nhận với hiệu quả của công thức $E=mc^2$ năm 1929 để đưa ra thuyết không gian bốn chiều như đã nói trên mà khoảng cách giữa các thiên thể chỉ có thể đo bằng quang niên với tốc độ của ánh sáng 300.000km/giây. Nhưng lại một khúc mắc bởi đem một kích thước tưởng tượng - khi tốc độ này chỉ có trong giả thuyết chứ không có trong thực chất vì không có đường thẳng trong không gian - mà qui định một khoảng cách thì chẳng khác gì lấy bàn tay chỉ lên mặt trăng mà thuyết pháp như Phật đã làm, sự thể khác nhau thì không thể đưa ra một luận cứ chính xác.

Nói tổng lại, dù con người có đưa ra những luận cứ nào thì Vũ trụ vẫn trong tư thế im lặng có khác gì nhà đạo học đang trầm ngâm trong tâm thức, nên những lẽ huyền vi của Tạo Hóa vẫn không hề bị khám phá toàn diện mà vẫn còn ẩn ử trong bầu không gian kia mà nhà bác học Newton gọi là "sự thể hiện tính chất vô sở bất tại của Thượng Đế trong thiên nhiên và vẫn còn trong những chi tiết mong manh (les minces détails) có sự hiện diện của một lý trí hùng hồn và cao cả biểu lộ trong một Vũ trụ bất khả tri" mà về sau Einstein nhìn nhận đó là Thượng Đế.

Nói cách khác, Thể Tính trong cuộc sống Vũ trụ chính là sự phát biểu qua cái nhìn của các nhà khoa học trên đây, cho dù khó tính đến đâu, mấy ai dám tự hào với khả năng trí óc của mình biết được tất cả mọi huyền vi của Vũ trụ, nếu họ biết tự trọng và tôn trọng mọi người.

BÀI 9: THỂ TÍNH TRONG ĐỜI SỐNG NHÂN SINH

Nhân sinh là một vấn đề được đặt ra cuối cùng trong lịch trình khai diễn Vũ trụ bắt đầu từ giai đoạn Trí Thể trở về sau¹⁴. Do đó mà Thể Tính Vũ trụ đến đây không hoàn toàn như ở giai đoạn Thực Thể mà đã phục hồi cái tư thể như khi Hữu Thể thành hình. Bởi Trí Thể là Hữu Thể được tái tạo sau khi phân tán các Mô thể Tâm Vật thành Thực Thể theo mô hình "Con người là hình ảnh của Thượng Đế". Cho nên, Thể Tính Vũ trụ đến giai đoạn này lại bao hàm những hiệu năng đã có của Tiềm Lực Thiên Nhiên một cách tổng quát và toàn diện.

Do tính chất cấu tạo của Trí Thể đối với Hữu Thể như thế nào thì Thể Tính của Sinh lực đối với Tiềm Lực Thiên Nhiên như thế ấy. Cho nên, khi Trí Thể không hoàn toàn bao quát như Hữu Thể thì Sinh lực cũng chỉ trong giới hạn không như Tiềm Lực Thiên Nhiên được. Tôi muốn nói đến sự biến thể của Tiềm Lực Thiên Nhiên ở giai đoạn Sinh lực là một biến thể có tính cách trung thực nhất tuy đã thu hẹp trong phạm vi của giới sinh vật. Đó là sự biến thể của các **lực** thành những **luật** và từ thể Ngẫu lực, Tinh lực có khi thuận chiều có lúc ngược chiều để tạo ra những định luật nhân sinh từ bao giờ cho đến bao giờ...

Như vậy, ta có thể nhận biết rõ rằng các Ngẫu lực Tâm Vật, Tinh lực Âm Dương đến giai đoạn này cũng không nguyên vẹn như trong Thực Thể Vũ trụ mà cũng đã biến dịch cho thích nghi với Sinh lực của con người trong lòng Vũ trụ.

Một sự kiện không thể phủ nhận là mọi sinh vật trong đó có loài người đang sống trong một cảnh giới hiện tượng. Khác với mọi loài, con người tạo ra những hiện tượng cung ứng cho cuộc sống vật chất của mình bên cạnh những hiện tượng thiên nhiên đã có tự bao giờ. Nhưng cũng chính những hiện tượng nhân tạo kia đã chôn vùi con người cùng với tham vọng của họ trong đó một cách bí ẩn để họ không còn biết gì hơn ngoài những mớ vật chất kia sẽ tan rụi đi theo với cái thân xác nhút thời của họ.

Cho nên, điều kiện chính yếu cho cuộc sống nhân sinh là phải làm sao giải tỏa các hiện tượng vật chất nhút thời kia nếu con người muốn đi vào Thể Tính trường tồn của cuộc tấn hóa chung. Đó là mục tiêu chính yếu của con người một khi ý thức được lẽ sống trên mặt đất này chỉ là cõi tạm dung cho một giai đoạn Trí Thể trên bước hành trình trở về Hữu Thể của mình.

Mà thật vậy, hiện tượng giới đang bao bọc con người trong kiếp nhân sinh của họ là những gì? Phải chăng thân xác họ với những đòi hỏi hằng ngày chu tuần chung quanh cái ăn, tắm mặc, nhà cửa, xe cộ ngoài vợ con gia đình, quốc gia, xã hội...

Nhưng thử hỏi thân xác con người là gì nếu không phải là mẫu dung hợp quân bình hai Ngẫu lực Tâm Vật, mà cái sống sau đó kéo theo sự điều hòa hai mẫu Tinh lực Âm Dương mà nếu không có các yếu tố căn bản đó thì con người không thành hình được? Và chẳng, từ cách đây non 30 thế kỷ ở Hy Lạp, Homère thời Thượng cổ với tập truyện hai chiến tích Iliad và Odyssey rồi Empédocle (năm 490 đến năm 430 trước Tây lịch) đã đưa ra thuyết tam đại (địa thủy hỏa) sau đó đến Aristote (năm 384 đến năm 322 trước Tây lịch) với tứ đại (địa thủy hỏa không) mà môn đồ Thích Ca ở Ấn Độ đã thêm vào thành lục đại (địa thủy hỏa không chân vọng) thì cũng chỉ những ức thuyết có tính phiến diện duy vật không biểu thị được nguồn sinh lực cố hữu của Vũ trụ thu hẹp nơi con người khi sống với linh hồn từ Tâm thể Vũ trụ mà ra.

Thử tìm hiểu các bờ ranh hiện tượng đã kéo lê con người trong đó không khác một tội nhân bị lưu đày nơi mặt địa cầu này là những gì?

¹⁴ Xin xem sách *Bản Thể Luận*.

Tâm thể tạo đoạn của linh hồn, Vật thể thành hình thể xác của con người vốn từ Ngẫu lực Thiên nhiên vô nhiễm, cho đến phần Âm Dương đang ngự trị trong châu thân cũng đã từ Tinh lực Vũ trụ cấu thành. Cho nên, con người từ khai nguyên không thể gọi là vô minh hay tội lỗi, nếu họ không bị phủ lấp bởi những vật dục từ cảnh giới hiện tượng mà ra.

Những cảnh giới hiện tượng đó là gì?

Bất cứ lúc nào trong cuộc đời con người cũng bị chi phối bởi các thể lực mâu thuẫn ngự trị mà họ phải dung hòa các thể lực đó vốn đã có từ Sinh lực Vũ trụ mà ra. Cho nên cuộc sống có khi vui khi buồn, mạnh được yếu thua, khôn nhờ dại chịu... đó là lẽ thường tình. Mấy ai trên đời cho dù cao sang tột đỉnh, quyền quý thượng thặng cũng không khỏi có lúc đau buồn, mà kẻ nghèo nàn thấp thỏi cũng có lúc cười vui...! Hóa Công đã khéo đặt bày luật công bình thiên diển trên thế gian này với những tự do cho mọi người khi biết tôn trọng cuộc sống lẫn nhau.

Những nhận thức nơi con người cũng không ra khỏi ranh giới của qui luật mâu thuẫn trong cuộc sống.

Vì cảm thấy cuộc đời bị gò bó trong hiện tượng nhứt thời, con người muốn thoát ra để tìm một cảnh giới có thật. Từ đó, vấn đề chân vọng được đặt ra, nhưng chân vọng là gì nếu chẳng phải là hai mặt của hiện tượng, cái khác nhau là thể nhìn của người quan sát mà thôi. Kẻ gọi là chân khi biết các hiện tượng kia chỉ là ảo vọng, ngược lại kẻ chỉ thấy mình sống trong hiện tượng thì lại cho là chân...! Thực tế thì cả hai ngã chân vọng đang lôi cuốn con người trong một tư thế bất phân thắng bại mà kẻ tìm đến cái chân (ngã tôn giáo - duy tâm) cũng không khỏi sa sầm trong cái vọng (ngã duy vật - hiện sinh) để kéo lê nhân loại vào mớ hỗn loạn của tấn trò văn minh sa đọa ngày nay mà mấy ai khỏi chia phần hệ lụy trong đó.

Thật ra, Thể Tính Vũ trụ khi đi vào giai đoạn Sinh lực thì hiện rõ hai thể vừa tương giao vừa tương khắc - hay nói cách khác vừa dung hòa vừa mâu thuẫn - trong đời sống nhân sinh mà con người có thể biết được khi họ đang bị kiềm hãm bởi hai chiều Vũ trụ: một chiều rộng thấy được là không gian, và một chiều sâu không thấy được là thời gian. Chính hai chiều Vũ trụ này đã lôi cuốn con người trong đó như một chiếc tàu chạy giữa biển khơi với tốc độ đều mà hành khách trong hầm tàu không hề cảm thấy sức lôi cuốn đó. Cho nên, con người - đang đóng vai hành khách dưới hầm tàu kia - có biết được mình thật sự đang ở đâu và như thế nào thì phải thoát ra khỏi cái hầm tàu bao quanh mình mới được.

Nói tổng lại thì Thể Tính Vũ trụ trong đời sống nhân sinh không khác trong đời sống Vũ trụ nghĩa là vẫn bao trùm một tính chất bí mật mà con người luôn luôn bị giấu kỹ trong đó như một tội nhân, nhưng Thể Tính không buộc họ can phạm ở lĩnh vực xã hội, mà đã buộc họ như một thí sinh trong trường tiến hóa Vũ trụ mà không bao giờ mang tội đã nói theo đạo Chúa với tội tổ tông hay đạo Phật đặt con người ngang hàng với a-tu-la súc sinh chỉ đem con người vào ngã mê lầm cuồng tín mà thôi!

Thì các bạn cứ vùng vẫy đi, cứ tự do đi, bước nhảy vọt của các bạn không quá ba thước, mà đôi tay của bạn cũng chỉ với không quá ba thước vào không trung, mà tầm nhìn của bạn cũng không quá mười cây số - tôi nói theo các nhà khí tượng đó - cho nên đứng trước bầu Vũ trụ bao la kia, con người thật sự đã bị nhốt chặt vào mặt đất này vậy.

Và như thế thì con người đã chẳng phải là tội nhân của Vũ trụ - vì mang theo mô hình Vũ trụ - bị lưu đầy trên quả cầu này thì là gì?!

BÀI 10: CỨU CẢNH CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ LÀM SỐNG ĐỘNG THỂ TÍNH VŨ TRỤ

Như đã trình bày, con người sinh ra trên mặt đất không phải là một sự chuyển kiếp phải trả nợ hay là do tội lỗi từ tổ tông mà các cựu giáo đề ra cho hàng giáo phẩm có việc làm với tư cách và quyền hạn tuyệt đối cao trọng trên đời mà cho dù cha mẹ cũng không sánh kịp. Đó là vấn đề đã cũ xưa như trái đất này cần phải được xét lại nếu loài người không muốn sống kiếp tôi mọi hoặc bị xem như đàn chiên con hoặc bị xem như cái xú bì nang nhơ bẩn cần phải thanh lọc. Với tôi, những tệ đoan ấy không thể kéo dài khi mà hàng giáo phẩm kia với mớ tín đồ mỗi ngày một tăng mà cảnh thế gian mỗi ngày một lưu tệ do những thành kiến từ nghìn đời để lại mà nhân loại càng ngày càng đi vào tối tăm như đứng trước bờ vực thẳm dù ánh sáng văn minh cơ giới ngày càng bị phủ kín như lớp mây mờ khi nhân loại đã đi đến thời mạt kiếp mà không hay.

Tuy nhiên, **con người từ sinh ra đã mang theo một Sứ mạng. Đó là sự cảm thông trong Tiềm Lực Thiên Nhiên cuộc sống bất diệt của Vũ trụ.** Như tôi đã cho biết qua các sách triết học từ 1971 đến nay, đây không phải là một khám phá chủ quan hay khách quan mà là do trực quan của tôi tiếp nhận từ Vô hình không chối cãi, cho nên nếu có người phủ nhận giá trị của nó cũng không được.

Vả chẳng, thực tế mà nói thì con người đã sinh ra và lớn lên trong một thế giới đầy hiện tượng, nhưng nguyên lai của những hiện tượng ấy lại là một nguyên lý đồng nhất gọi là Thể Tính của Vũ trụ lại tiềm tàng trong khối sai biệt của cái sống hằng ngày nên rất khó cho con người nhận diện được một cách hoàn toàn và thấu triệt nếu không muốn nói là mơ hồ nên mạnh ai nấy nói theo thiên kiến của mình. Các ngôn từ về Thiên đàng theo Chúa hay về Nát bàn theo Phật mà hai ngả dẫn dắt của hai nền cựu giáo từ bao lâu đã có được xác minh cụ thể hay đó chỉ là những lập luận không tương mà linh hồn họ ra đi chả biết về đâu?!

Do đó, con người nhất quyết không phải từ một loại hạ đẳng mà lên, cũng không phải từ một hư không huyền hoặc mà xuống bởi lẽ Thể Tính vốn là trung tâm kích động những khả năng khám phá kia đang ở thể quân bình Ngẫu lực Vũ trụ mà phần Tinh lực sáng tạo kia đã thêm vào ý thức con người phản dung hòa thích nghi cho mọi cơ năng phát hiện Sinh lực biến hóa khả năng sinh hoạt của con người tùy theo giai đoạn tiến triển của cuộc sống chung nhân loại.

Cho nên, tìm cho ra một vị trí ứng hợp cho con người trên mặt đất đã khó, trong Vũ trụ càng khó hơn. Đã hẳn, con người với khả năng của thể xác họ không làm sao ra khỏi mặt đất trong sự gấn bó thiết tha của Trọng lực nên không thể dứt khoát với Trọng lực mà tìm cuộc phiêu du vào không gian kia nếu không như hai gã Lưu Nguyễn của Việt Nam phải trả giá bằng sự nhớ nhung quay về cố hương để mất hút tằm dạng mà lời ca trầm bổng còn ghi lại khúc chân tình da diết...

Vấn đề không phải là mộng tưởng huyền hoặc nếu ta chịu khó đi tìm cái TA trong lòng Tạo Vật để biết từ đâu và để làm gì mà phải có con người trên mặt đất bởi nếu quả đất chỉ là một khối vô sinh như mặt trăng kia thì Vũ trụ vẫn như tự bao giờ trong cuộc tuần hoàn sinh hóa có hề gì đâu, nhưng với sự hiện diện của con người trên mặt đất, Vũ trụ mới hoàn thành cuộc sống bất diệt của mình mà Linh Năng đã điều động từ buổi khai nguyên bất khả tri kia. Con người thật là con người phải biết lẽ huyền vi mầu nhiệm quanh mình như thế mới chứng tỏ nguồn cội thiêng liêng khai sáng đã đặt mình trên thế gian này với đủ điều kiện cũng như phương tiện thích nghi để hoàn thành cái Sứ mạng cảm thông kia trong vô vàn thâm uyên của Vũ trụ.

Các thuyết giảng của tôn giáo xưa chỉ thích dụng cho một thời đại mà con người dễ bị lôi cuốn vào Thân quyền trước sự bất lực của nhân sự trong cuộc sống đương thời mà thôi, không thể là một điều lý thích nghi cho một nhân loại đã bước những bước dù chập chững trên mặt trăng, hoặc đã nhìn xa bằng thiên lý kính ngoài vạn ngàn thiên thể, trong khi các hàng giáo phẩm kia chỉ nhai lại những sản phẩm đã lỗi thời. Mà thật vậy, đức Phật, đức Chúa có nói gì tràng giang

đại hải đầy giả tướng ly kỳ kia đâu nếu chẳng phải là những lời khuyên thực tiễn cần cho cuộc sống cụ thể. Một đức tin nơi Chúa: “Cha ta ở trên trời”, một nếp sống không quá khắc kỷ cũng không quá hoang dã của Phật: “Vạn hữu phát sinh từ một Nguyên nhân” ký thác buổi sinh tiền đã là những mẫu mực nghìn đời cho nhân loại mà thời đại nào cũng rất xác thực cho cuộc sống chung mà thôi. Còn nói gì đức Lão với phương châm “Vô vi vô bất vi”, hoặc đức Khổng với đường lối tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ quả là những hành trang tao nhã mà ai ai cũng không thể bỏ quên nếu muốn đi trên con đường Chánh đạo...!

Phải chăng các bậc Giáo chủ đã dạy cho ta bài học muôn đời để con người dũng mãnh đi vào con đường sứ mạng của mình là cảm thông cho kỳ được trong Tiềm Lực Thiên Nhiên cuộc sống bất diệt của Vũ trụ với những ý niệm vô hình như trên?!

Tóm lại, chỉ một điều kiện đòi hỏi cho con người với cái sống thực tại của mình. Đó là **"phải biết mình là con người và hành động theo lương tri con người"** như lời nhà bác học Einstein nói với các lãnh tụ siêu cường trước khi ông từ trần năm 1955.

Theo tôi, dù ở vị trí nào trong xã hội, con người cũng đừng bao giờ quên mình là vật tối linh vừa là chủ nhân ông vạn vật vừa là thí sinh của Vũ trụ đang bị lưu đầy trên mặt đất này mà luôn luôn phải tìm cách thoát ra ngoài cái vỏ bọc hiện tượng để làm cho xong **cứu cánh của đời người là làm sống động Thể Tính Vũ trụ** vậy.

Các bạn cũng không nên quá vội vàng trong khi đi tìm những gì mới lạ trước một cục diện sa sầm của nhân tâm thế đạo ngày nay bởi theo tôi Đấng Thượng Đế Hóa Công đã khai sáng Vũ trụ và điều động Vũ trụ đã giáng thế bằng khối Tâm Linh Vũ Trụ vừa là CHA vừa là THẦY của sanh chúng tự bao giờ thì Ngài sẽ có biện pháp ban hành những nhân thân mới thích nghi cần có buổi Hạ Nguơn mật pháp này để thực hành cơ cứu thế Tận Độ Kỳ Ba khi mà Luật Thiên điều nhân quả không tha thứ bất cứ một nhân thân hay tập thể nào toan tính bá quyền những lạm đang âm mưu sát hại dân lành âm ỉ hiện nay đâu.

Tôi đã bày tỏ ý kiến này với một bạn du khách người Mỹ khi người bạn ấy tìm đến tư gia tôi tại Sài Gòn vào khoảng 1979 và gạn hỏi tôi làm sao rao giảng nền tôn giáo mới Cao Đài ra ngoại quốc? Tôi đã không ngần ngại cho bạn ấy biết: “Nền tôn giáo Cao Đài có một căn bản triết học và đạo pháp mới mà các cựu giáo không có nên đòi hỏi một con người mới, khi mà các bài Thánh ngôn đã cho biết hiện các vị Thần linh đã nhận Thiên mạng ban truyền khắp nơi rồi, chỉ cần một cá nhân muốn tìm về nguồn đạo mới thì sẽ là người tín đồ Cao Đài dù họ chưa biết rõ nguồn cội tâm linh mới đó. Đến đây ông bạn cười bảo: “Thì tôi biết rõ số người không theo cái cũ mà tìm cái mới như thế nơi đâu cũng có trên đường du lịch của tôi nên bạn sẽ được như nguyện. Hẹn bạn gặp nhau tại Mỹ một ngày gần, ta sẽ cùng bàn luận việc này.”

Thì bạn đọc có tin lời tôi không? Tùy bạn nhưng với tôi Thể Tính vốn là chân lý thì sự thật trên đời chúng ta chỉ mong cho có được luồng sinh khí mới đó thôi.

Viết tại Bàn Cờ, Sài Gòn, tháng 5 năm 1981.

ĐỒNG TÂN